NĂM THỨ TƯ — Số 132 Thứ năm 2 Mars 1944

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

Mục lục

* Một bài thơ — Một sử-thực — *Hoa-Bằng*
* Những ông nghè triều Lê (LXXIV) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Đại-Nam đật-sự (XXI) — *Ưng-Hòe*
* Quê hương bà Lê Thái-hậu — *Tiên-Đàm*
* Sách biên-dịch triết-học — *Nguyễn-đình-Thi*
* Gốc tích thành Huế (I) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Văn-chương quân-sự — *Hoàng-thiếu-Sơn*
* Bản sách-dẫn về Đại-Nam liệt truyện (XVI) — *Thọ-Xuân Lê-văn-Phúc*
* Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết, XVII) — *Chu-Thiên*

Tòa báo: 95-97, Chanceaulme, Hanoi

Một năm 18$00 — 6 tháng 9$50 — 3 tháng 5$00 — Mỗi số 0$40

Một bài thơ — Một sử-thực — Một vinh-dự lớn của

Triều Quang-Trung

chiến thắng Mãn-Thanh về mặt ngoại giao

HOA-BẰNG

Xuân canh-tuất (1790).

Phúc Khang-An, tổng-đốc Lưỡng Quảng, làm theo ý vua Thanh Càn-long đã định trong tờ dụ gửi cho vua Quang-Trung (1788 — 1792) ngày tháng năm, năm Càn-long thứ 54 (1789), giục Quốc-vương sửa-soạn sang triều-cận.

Nhưng, không muốn hạ mình làm một việc không xứng-đáng đối với khách chiến-thắng, vua Quang Trung nói thác là có tang mẹ, không tiện đi, xin sai con là Quang-Thùy đi thay vậy.

Cho thế là không tiện, Khang-An phái người sang Nam căn-dặn rằng: Cực chẳng dã, nếu Quốc-vương không thân sang triều-cận được thì nên chọn lấy một người trạng-mạo giống mình mà cho đi thay.

Vẫn nhớ mình là nước nhỏ, vua Quang-Trung không muốn « già nẻo » để « giây » ngoại giao rửa chừng phải đứt, nên ngài chọn Phạm-cộng-Trị, người giống mặt mình, đóng vai giả vương, sang Tàu, mừng vua Thanh Càn-long về dịp Bát-tuần vạn-thọ.

Phò giả-vương đi chuyến này, Sứ-bộ gồm có các quan văn võ cao-cấp: Ngô Văn-Sở, Đặng-Văn-Chân, Phan-Huy-Ích, Võ-Huy-Tấn, Võ-Danh-Tiêu, Nguyễn-Tiến-Lộc và Đỗ-Văn-Công... Ấy là không kể những viên quan thấp cũng được cử đi cho đủ số như Đoàn-Nguyễn-Tuấn chẳng hạn.

Sứ bộ ấy khởi-hành từ ngày 29, tháng 3, năm canh-tuất (1790).

Từ lúc bước chân sang đất Tàu cho đến khi quay gót ra về, Sứ-bộ ta được nhà Thanh đón-tiếp đối-đãi một cách quá đặc-biệt, quá long-trọng. Cho đến Đoàn-Nguyễn-Tuấn, một người trong Phái-bộ ấy, đã viết bằng giọng đắc-thắng ở cuối cuốn *Tinh-sa kỷ hành* (1) của Phan-Huy-Ích, một tập thơ kỷ thuật chuyến đi sứ này, rằng: « ...*Thị hành dã, Đại Hoàng-đế đặc-cách Đốc-thần bạn tống: Chu xa tinh kỳ diệu nhân nhĩ mục. Sở chi quan lại bôn tẩu nghinh phó. Thu, đề Nhiệt-hà hành cung; phục lòng Giá, hồi Yên-kinh, chi Tây-uyển. Liên tuần tiến yết: thiên sủng ưu dị. Tòng lại ngô quốc sứ Hoa vị hữu như thử chi kỳ thả vinh giả!...* » (2)

Nghĩa là: « ...*Chuyến đi này được Nhà vua (Thanh) đặc-cách cho quan Tổng-đốc (Tàu) đi bạn-tống. Thuyền xe cờ quạt quáng cả tai mắt người ta. Đi tới đâu, quan lại phải bôn tẩu đón tiếp đến đó. Mùa thu (năm canh-tuất, 1790), đến hành-cung ở Nhiệt-hà; lại theo Xa-giá (vua Thanh) về Yên-kinh, đi Tây uyển. Luôn luôn tiến yết hàng tuần, được ơn trời âu-yếm, ưu đãi khác thường. Trước giờ người mình đi sứ Tàu chưa có lần nào lạ-lùng và vẻ-vang như vậy...* »

Sứ-bộ đi từ cuối xuân canh-tuất (1790) đến 30 tháng 11 năm ấy thì về tới Nam-quan, ròng-rã tám tháng trời, phàm những tình-tiết được nhà Thanh trọng đãi ra sao, tôi đã nói kỹ trong phần « *Đối ngoại* » ở cuốn « **Quang Trung** » (đang in); nay xin đan cử một chuyện này để các bạn đọc thân mến thấy rõ, dưới triều Quang-Trung, địa-vị và giá-trị của Sứ-bộ Đại-Việt trong con mắt người Trung hoa là thế nào.

Nguyên ngày 20, tháng 8, năm canh-tuất (1790) ấy, Sứ-bộ ta được vua Thanh ban chỉ khiến về nước. Giữa ngày ấy, Sứ-bộ dự tiệc ở đền Chính-đại-Quang-minh với bao nhiêu vẻ huy-hoàng lộng-lẫy. Rồi, Phan-Huy-Ích, tác-giả bài thơ dưới đây, cùng với Võ-Huy-Tấn, được đặc-cách với đến bên ngự-tọa vua Tàu, được ban thứ rượu « đề-hồ » đựng trong chén bích-ngọc do chính tay vua Thanh Cao-Tông rót mời.

Để ghi việc vui mừng mà cảm động ấy, Phan-Huy-Ích có viết một bài trường thiên này:

Thánh thọ khải xương thi.
Thê hàng đồng chúc hỗ.
Chỉ-nam tảo tích biền,
Yến diên long sủng sổ.
Ban liệt túc Minh-đường,
Hiểu vân ủng loan lộ.
Yên niêu bảo lô hương,
Đan đình tấu Thiều-hộ.
Ân chỉ tự thiên lai ;
Lễ quan hô Phan, Võ.
Ưng triệu, khởi xuất ban,
Ngũ trung hỉ thả cụ !
Khu lũ đăng điện giai,
Các lão tiền dẫn bộ ;
Xu hướng long tọa bàng,
Khúc kỹ, linh ôn dụ.
Ân dầu ngọc tửu hồ
Châm chước xuất ngự thủ,
Thân tứ bích ngọc chi
Gia ngạch cung lĩnh thụ :
Khuynh ẩm bất cảm dư,
Đề-hồ nhuận phế phủ.
Phản tước giao thị thần,
Khấu tạ liện khể thủ.
Giáng giai hoàn tự ban :
Túc đạo nhi thủ vũ !
Thánh-nhân tử thứ bang,
Ân dục khoáng tiền cổ.
Hải-nam hãn-mặc thần
Kiêu-hãnh thao giản cổ !
Biểu từ gia trụân kiền,
Trân phẩm thưởng thi cú,
Cấm nội tứ dụ quan,
Đặc triệu phàm tam độ
Xu-xương điện bệ gian
Khuê văn hạnh thân đồ.
Trùng phụng ngự tiền bồi,
Thiên tôn sái cam lộ.
Tình trưởng hạ hồng thủ,
Thiều-quân trường luyến mộ.
Phiên quốc phụng thám tần,
Kỷ đắc kỳ lao ngộ ?
Phi tiên báo quốc nhân :
Hoàng-hoa (3) đệ nhất bộ. » (4)

虔句觀度間睹 杯露施恭頒遇人部
胝詩遊三陛親 前甘鴻戀深遭國一
嘉賞賜凡殿幸 衙酒尚長奉奇報第
詞品內召踰文 奉尊蜹鈞國得箋非
表珍禁特趨奎 重天旌詔藩幾飛皇
辰遐輔數堂軀香蔆來武班懼堦步旁論壘手巨受餘腑臣首班舞邦古臣顧
昌祝錫寵明鬱爐韶天潘出且殿引座温酒御玉領敢肺侍稽就手庶前墨簡
啓同早隆書擁寶奏自呼起喜登前龍聆玉出碧恭不潤交連還而子曠翰叨
嘉航南筵列雲彙庭旨官召中傻老向跪頭酌賜額飲醐爵謝堦蹈人育南倖
聖梯指宴班曉烟丹恩禮應五儼閣趨曲案斟親加傾醍反叩降足聖恩海僥

Dịch :

Thánh mở vận xương minh.
Lặn lội đi chúc thọ.
Xe chỉ nam sớm ban,
Tiệc linh đình được dự.
Ban cỗ (5) lập Minh-đường (6),

(Xem tiếp trang 8)

(1) *In mộc-bản năm canh thân (1800) đời Cảnh-thịnh (1793 1802) — Bảo-Chân-quán tàng bản.*

(2) Tinh-sa kỷ hành, *tờ 39.*

(3) *Tiểu-nhã trong kinh Thi có thiên* Hoàng hoàng giả hoa, *là thơ vua tiễn sứ-thần bằng lễ nhạc. Ý nói xa-xôi mà có quang hoa. Nhân thế, đời dùng thơ* Hoàng-hoa *làm lời xưng-tụng sứ-thần.*

(4) Tinh-sa kỷ hành, *tờ 27 a-28 a.*

(5) *Chỉ bóng về hàng bực quan-liêu.*

(6) *Minh-đường là nhà tổ chính-lịnh và giáo hóa. Xưa, thiên tử dùng nhà Minh-đường để thờ Thượng đế, tế tiên-tổ, triều chư-hầu, nuôi kẻ già, tán ngôn hiền, phàm những sự gì thuộc điển-lễ lớn đều tham ý đấy cả.*

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 74

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Bài bia đề lên các ông tiến-sĩ năm Hồng-đức thứ 27 (1496) đã mờ mất nhiều, nên không dịch được toàn bài, chỉ theo quyển *Lịch triều tiến sĩ đề danh bi ký* (bản sao của Trường Bác-cổ số A 109), dịch đại ý như sau này :

« Năm nay (1496) là năm thứ 37 kể từ khi vua Lê Thánh-tông lên ngôi (năm 1460) (vì vua Lê Thánh-tông có đặt niên-hiệu Quang-thuận mười năm (1460-1469), rồi mới đổi là Hồng-đức, cho nên đến năm 27 hiệu Hồng-đức đã làm vua được 37 năm), trong nước thái-bình, chín châu một mối ; mùa xuân năm ấy, chính gặp kỳ thi (chỗ này mất một đoạn, không rõ bao nhiêu người thi). Ngày 19 tháng ba vua ngự điện Kinh-thiên, thân ra đầu bài, sai đề-đốc Binh-bộ thượng thư Định-công-Bá, Trịnh-công-Đán, Ngự-sử-đài đô-ngự-sử Quách hữu-Nghiêm, giám-thị hữu-thị lang bộ (không rõ bộ nào) Nguyễn-Hoằng... (mất) và các quan lớn nhỏ, mỗi người mỗi việc... (mất). Ngày 22 tháng ấy, tiến những người học-trò đã trúng cách vào sân điện Kim-Quang. Vua thân ngự xét dung-mạo, lấy được 30 người. Qua ngày 27, vua ngự chính điện, bày đủ lễ xướng danh, cho bọn Nghiêm-Viên dở xướng đỗ tiến-sĩ cập-đệ, tiến-sĩ xuất-thân và đồng tiến-sĩ xuất-thân, có lần lượt ban cho ân-vinh, theo như lệ cũ, sai quan bộ Lễ khắc tên vào bia đá... (mất), sai thần là Lưu-hưng-Hiếu chép việc, thần kính-cẩn chắp tay cúi đầu mà viết văn bia này... (mất một đoạn).

« Từ xưa những ông vua làm cho trong nước được thịnh trị, đều lấy việc thi học trò cầu hiền-tài làm việc trước. Đức Hoàng-đế bệ-hạ, lấy thiên-tự trí-thành, cai trị vạn trùng-hị, ngày đêm lo-lắng, mưu-toan thịnh trị, cầu người hiền không cứ một lối, thi học-trò không cứ một đường, lại có dựng học-hiệu để dạy, có nhà lân-hưng để gây dựng tới hiền, thân ra đầu bài để thi, yết bảng khắc tên để cho vinh-hiển, phép-tắc rất là rộng rãi ; cái mỹ-ý khuyến-khích hiền-tài, so với những bậc anh-minh đời xưa cũng thế. Người học-trò sinh ở đời này thực may-mắn thay !

« Nên cầu thực-học, chớ chuộng hư-danh, văn-chương thôn-ngạc (văn dởi cộc), sự-nghiệp to lớn... (mất một đoạn), nên được như Hàn Dũ... (mất một đoạn), không nên như Công tôn là người khúc-học... (lại mất mấy câu) Thì xấu hổ cho khoa-mục, làm vết tấm đã này, không những là trái cái mỹ-ý của triều-đình mở khoa thi lấy học-trò, mà đối với tấm lòng của người học-trò, bé đi học, lớn ra làm, cũng lấy làm hổ-thẹn, đáng kiêng sợ thay ! Thần kính cẩn viết bài ký này.

« Hiền-cùng đại-phu, Hàn-lâm viện thị-giảng, tham chưởng Hàn-lâm viện sự (thần) Lưu-hưng-Hiếu phụng soạn. — Cẩn-sự lang Trung-thư-giám chính-tự (thần) Nguyễn-Đức phụng thư. — Mậu-lâm-lang Kim-quang-môn đãi-chiếu (thần) Nguyễn-Nhân phụng triện.

« Bia dựng ngày mồng năm tháng chạp năm Hồng-đức thứ 27 (1496). »

Đăng khoa lục, (quyển 1, tờ 41 a) chép khoa bính-thìn 1496 thi hội trúng cách 43 người, dẫn vào điện-đình, vua thân ngự xét dung-mạo, lấy 30 người. Lúc bấy giờ có Vũ-văn-Uyên, người Vũ-ninh (Võ giàng), thi hội đỗ thứ hai, đến thì đình bị truất. »

Ba ông đệ nhất giáp là :

1. — Tiến-sĩ cập đệ đệ nhất danh (trạng-nguyên) **Nghiêm-Viên**, người thôn Cẩm-chàng, xã Bồng-lai, huyện Quế-dương, phủ Từ sơn, trấn Kinh-bắc (nay Bắc-ninh). « Nguyên trước viết chữ Viên « thủ » bên vào đình đối quyển của ông và quyển Nguyễn-Huân ở Kim-đối ngang nhau. Vì vua nằm mộng thấy một con hổ ăn đầu người, nên với hết cả những tiến-sĩ trúng cách vào điện để xét dung-mạo, thấy ông có đầu mặt giống mặt hổ, lại tuổi dần (dần là tuổi hổ) cho đỗ đầu, đổi chữ Viên làm chữ « ngọc » bên gả công-chúa ; sau khi vinh quy ngộ-độc, mất, chưa kịp làm quan » (dịch ở quyển *Đỉnh nguyên phát lục*, bản sao của Bác-cổ, số A.1205, tờ 18 a) : *Đăng khoa bị khảo*, (quyển Kinh-bắc, tờ 12 a) và *Khâm-định Việt-sử* (quyển 24, tờ 20 b) chép « khi ông về nhà, lại cũ bỏ thuốc độc chết. »

2. — Đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ đệ nhị danh (bảng-nhãn) **Nguyễn-Huân**, người xã Kim-

(Xem tiếp trang 23)

GỐC-TÍCH THÀNH HUẾ

Ưng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

GÀY 21 Octobre 1943, tôi có đăng ở *Tri tân* (số 117) một bài về *Những tên thành Hà-nội từ xưa đến nay*. Gần đây có nhiều bạn độc-giả xa gần viết thư hỏi tội về sự-tích thành Huế và thành Sài-gòn. Tôi ngần-ngại, chưa dám viết thành bài, vì có nhiều tên đất chưa tìm ra, phải ở ngay đấy, thì may mới biết. Vả lại, tra cho đến nơi đến chốn, phải viết thành sách: chính ở Huế đã phải đặt ra một hội « Đô-thành hiếu cổ » từ năm 1913 và in một quyển tạp-chí tên là *Bulletin des Amis du Vieux Huế*.

Tuy khó lòng chu-đáo, nhưng tôi cũng chiều ý độc-giả, tra sách xem tên cũ là gì, mỗi đời thay đổi ra sao, và tên mới có từ bao giờ.

Từ đời thượng-cổ, Huế là đất của bộ Việt-thường. Nguyên đời vua thứ ba họ Hồng-bàng (khoảng năm 2611-2477 trước T.-C.) chia nước làm 15 bộ, trong có bộ Việt-thường: quyển địa-dư của ông Nguyễn-Trãi chua rằng: « Thuận-hóa cổ Việt-thường bộ », nghĩa là Thuận-hóa (đời Nguyễn-Trãi, 1418-1442) là bộ Việt thường đời xưa. Sách *Khâm-định Việt-sử* (tiền biên, quyển 1, tờ 3 a và 4 b) chua Thuận hóa đời Nguyễn-Trãi « từ huyện Hải-lăng tỉnh Quảng-trị đến phủ Điện bàn tỉnh Quảng-nam bây giờ » (tức khoảng năm 1848-1883).

Đến đời Trần (246-207 T.-C.) đất Huế là huyện Lâm ấp, thuộc về Tượng-quận. Năm thứ 44 đời Thục An-dương vương (214 trước T.-C.) Tần Thủy-hoàng sa Đồ-Thư và Sử-Lộc cướp đất Lĩnh-nam, đặt ra Quế-lâm, Nam-hải và Tượng-quận (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại kỷ, quyển 1, tờ 8 b; xem *Les theories sur la localisation de la commanderie de Siang* của ông L. Aurousseau trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, quyển XXIII, năm 1923, trang 153-161, và của ông H. Maspero trong *T'oung pao*, quyển XXIII, năm 1924, trang 373-393).

Về đời Hán (206 trước T.-C. đến 220 sau T.-C.) đất Huế là huyện Tượng-lâm, thuộc quận Nhật-nam. Năm Nguyên đỉnh thứ sáu (111 trước T.-C.) Hán Vũ-đế diệt được họ Triệu (207-111), chia nước ta làm chín quận (*Khâm định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 2, tờ 3 b), lấy Tượng-quận của đời Tần chia làm ba, là giao-chỉ, Cửu-chân và Nhật-nam (*K. đ.* q. 1, tờ 11 b).

Từ cuối đời Hán (220 sau T.-C.) đến suốt đời Tần (265-419), đất Huế là đất Lâm-ấp. Vào cuối đời Hán, con chức công-tào (tựa như lại-mục ở huyện) là Khu-liên giết huyện-lệnh, tự-lập làm vua, đặt tên nước là Lâm ấp (sau gọi là Chiêm-thành, tức Champa). Ông G. Maspero (*Le royaume de Champa*, trang 51) cho Khu-liên (của Tàu) với Çri Mâra (chữ phạm) là một; ông L. Finot (*Journal asiatique*, quyển CCX, năm 1927 trang 186) và ông G. Cœdès (*La date de l'inscription sanskrite de Võ cạnh (Sud-Annam)*) lại cho Çri Mâra là tên vua nước Phù nam (Kurung Vnam, nghĩa là vua núi, ở đất Cao-miên đời xưa), chứ không phải là tên vua Chiêm-thành.

Đến đời Tống (960-1276) đất Huế vẫn là đất Chiêm-thành (*K. đ.* q. 21, tờ 23 a, và *Hoàng-Việt địa-dư*, tờ 1 a).

Thế là dân đất Huế, về đời Tần thuộc Tượng-quận, đã bắt đầu theo văn-hóa Tàu; đến cuối đời Hán, thành đất Lâm-ấp thì quay về văn-hóa Ấn-độ. « *Hán thư* chép đời Nguyên đỉnh (111 trước T.-C.) đổi Tượng-quận làm quận Nhật-nam. Quận Nhật-nam có năm thành: Tây-quyền, Tị-cảnh, Châu-ngô, Lư-dung và Tượng-lâm. *Thủy-kinh-chú* chép quận-trị của Nhật-nam đời Hán ở huyện Tây-quyền. *Tấn-thư địa-đạo ký* chua huyện Châu-ngô cách quận-trị Nhật-nam 200 dặm, huyện Lư-dụng cách quận trị Nhật nam 300 dặm. Lưu-Hủ nói rằng: Từ huyện Châu-ngô đi về phía nam 400 dặm, đến nước Lâm ấp. Sách *Thiên hạ quận-quốc lợi-bệnh* của Cố-đình-Lâm chép rằng: Tị-cảnh và Châu-ngô đều ở cõi bắc Chiêm-thành; Lư-dụng ở phía tây thành Châu-ngô. Nay đem số dặm mà xét, từ Quảng-bình đến Thừa-thiên trên dưới 200 dặm, đến Quảng-nam trên dưới 300 dặm, Quảng-nam đến Bình-định trên dưới 400 dặm » (chính thực ra thì Đồng-hới, tỉnh-lị Quảng-bình, cách Huế 166 cây số (km.), Hội-an (tức Phố hoặc Faifoo), tỉnh-lị Quảng-nam, cách Huế 135 cây số).

(*Xem tiếp trang 17*)

Thăm dấu người xưa

QUÊ HƯƠNG BÀ LÊ THÁI-HẬU

sinh ra vua LÊ HIỂN-TÔNG

TIÊN-ĐÀM

Ô T buổi sáng, chúng tôi qua làng Đồng-tỉnh, rồi thẳng đường sang làng Thọ-vực (Bắc-ninh).

Dọc đường, chúng tôi thấy một tòa cổ-miếu, hỏi người làng mới biết là điện Bảo-hòa thờ bà Như-Thuận Hoàng Thái-hậu, sinh vua Lê Hiển-Tông (1740-1786).

Một bà Hoàng Thái-hậu sinh ra một ông vua ở ngôi ngót 50 năm, nhẽ ra thì về nhà Lê ở Lam-sơn phụng tự, sao lại còn bồng hỏa nơi đây? Đó là câu hỏi mà chúng tôi nghĩ đi, nghĩ lại khi bước chân vào sân nhà một ông ẩn sĩ làng Thọ-vực (1). Thì may, ở đấy chúng tôi được tiếp một ông cháu chi (2) trưởng bà Hoàng Thái-hậu về đời thứ 13. Sau khi chè nước hàn huyên, ông đã có lòng tốt cho xem gia phả của ngài Như Thuận Hoàng Thái-hậu.

Thái-hậu là người thôn Nhân-vực, xã Thọ-vực (một xã ba thôn) tổng Xuân-cầu, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh.

Bà vốn họ Đào tên là Thị-Nhiễm sinh-trưởng ở nơi bình dân, ông nội là Đào Phúc-Tường (3), cha là Phúc-Kiên (sau phong là Đục-khánh đại-vương), mẹ là Phạm-thị (?) hiệu Từ-mẫn, người làng Liễu-Xuyên huyện Đường-hào (nay là huyện Yên-mỹ, tỉnh Hưng-yên). Thân phụ vốn làm thợ duộm, ra ở Thăng-long, phủ Phụng-thiên, tính người rất hay uống rượu, nên cao hứng biết nghề vẽ, nhưng không được khéo cho lắm.

Hồi ấy vua Lê sai dựng xong một ngôi-điện trong Nội, truyền lệnh tuyển các thợ vẽ khéo trong nước để vẽ các tường điện. Kiểu vẽ ra cho các thợ dự thi là một quả dưa. Thợ vẽ hào cũng hết sức trổ tài và đều vẽ xong cả; duy có ông Phúc-Kiên chỉ ngồi ngất-ngưởng đánh chén. Khi người phụng sai đến thúc giục, ông vội vàng vẽ. Thuốc chưa ráo hẳn, vì người giục gấp quá, ông liền đem bức vẽ hơ lên lửa, thuốc khô, nức ra như quả dưa thực, trông rất tinh-tế (4).

Kịp khi đem tranh vào tiến vua lấy làm khéo lạ, tuyển ngay ông sung vào việc vẽ và cho ở trong điện làm việc.

Ông Phúc-Kiên khi ấy có 5 người con gái, 1 người con giai; người con giai là Hiển lại chết sớm.

Ngày ngày người con gái lớn là Thị-Nhiễm, năm ấy vừa 17 tuổi, có sắc đẹp, vẫn hay thời thường mang cơm rượu cho cha ở trong điện.

Khi vua Thuần Tông (1732-1734) còn làm Thái-tử, ngài thường hay ra xem vẽ, thấy người con gái nết na, lại đứng bên cạnh có mùi mồ hôi thơm, lấy làm ưa mắt, bèn nạp làm cung-nhân. Kịp khi lên ngôi, niên hiệu Long-đức năm đầu (1732) nhân các bà phi kia không còn, bà Đào thị-Nhiễm sinh được ba Hoàng-tử và hai con gái, được sách phong làm hoàng-hậu.

Vua Thuần Tông thăng hà, con giai nhỏn là Thái-tử Duy Diêu nối ngôi, lấy tên hiệu là Cảnh-hưng, tức là vua Lê Hiển-Tông vậy.

Khi vua Hiển-Tông lên ngôi, niên hiệu Cảnh-hưng, sắc phong cho bà Đào thị-Nhiễm là Hoàng Thái-hậu, ông ngoại là Phúc-Kiên là Đục-khánh đại-vương, các đời trên đều truy-tặng. Lại sai làm 7 tòa điện ở xã Thọ-vực (chỗ miếu ngày nay), gọi là điện Bảo-hòa, để thờ bên ngoại. Chỗ ấy đất rộng hơn 2 mẫu, chung quanh đều có xây tường.

Bốn bà em gái bà Đào thị-Nhiễm đều lấy chồng trong vùng:

1 người lấy người xã Thọ-vực họ Chu, làm quan Thiếu-bảo Thượng-tướng quân đặc tiến Kim-tử Vinh-lộc đại-phu tước Duật-phường bá.

1 người gả về quê mẹ ở Liễu-Xuyên.

1 người gả về làng Xuân-cầu.

1 người gả về làng Đình-đông (tức là Cầu-đông).

Triều vua Hiển-Tông, các bà này đều được gia phong quận-phu nhân; còn chồng đều phong là hầu tước.

Xã Thọ-vực là quê-hương Hoàng Thái-hậu được xá thuế hơn 40 năm.

Khi bà Như-Thuận Hoàng Thái-hậu mất ở Thăng-long thì linh thần đưa về Thanh-hóa, còn hồn bạch thì đem thờ ở điện Bảo-hòa xã Thọ-vực (5).

Đến năm Mậu-dần có loạn, nhân dân siêu-tán, gian đồ đốt phá điện thờ. Đến cuối đời vua Hiển-Tông sai đem ngọc cốt bà di táng về phía bắc làng Thọ vực gọi là xứ Sối-lác.

Đến nay khách qua đường còn thấy một miếng đất vuông, trên miếng đất có 2 cây gạo cổ thụ, đó là xứ Sốc-lác, tương truyền ngọc cốt chôn ở dưới vì ở trên không có sấy lăng mộ gì cả.

Trước miếng đất ấy là văn chỉ xã Thọ-vực.

Lại tương truyền khi bà Đào-thị-Nhiễm còn con gái ở nhà quê, rất hàn vi, thường phải đi mò cua ở lạch Cảnh-lầy, bà không phải đội-nón mà trên đầu thường có bóng rợp, bà lại hay hát đùa với chị em rằng

« Ngày sau ta lấy được vua
Thì ta chẳng bỏ con cua Cảnh-lầy » (6).

Khi đã nhập cung, bà vẫn bắt tỉnh thần ở Kinh-bắc sai dân tiến cua Cảnh-lầy vào cung để dùng cơm.

Từ một cô gái bắt cua làm nên bà Hoàng Thái-hậu, thời thường bà vẫn về quê thăm gia-hương, ngự thuyền rồng từ Thăng-long về nhà; đến nay tang-thương biến cải, ngòi Cảnh-lầy đã cạn, điện thờ cha mẹ bà đã bị phá (7), chỉ còn một tòa miếu con, nhưng lại để phụng tự Bà (?), thế thời sinh còn gái bảo là vinh-hiển như nhời của một nhà thơ đời Đường vị tất đã đúng (8).

Trên con đường về chúng tôi qua xứ Sối-lác, nhìn bãi cỏ xanh, hai cây cổ-thụ, không khỏi không ngậm ngùi cho thân-thế một bà Thái-hậu, mới qua vài trăm năm mà di-tích không còn gì! (9)

TIỀN-ĐÀM

PHỤ LỤC

1) Ông ẩn-tầu là Đào-Cư người xã Thọ-vực là môn đệ Tiên-nhạc phụ.

2) Ông Đào Đồng, cháu 13 đời bà Hoàng Thái-hậu về chi giáp, chi bà Hoàng Thái-hậu phạp tự. Xem tôn đồ.

3) Gia phả chép: Đào tướng công tự Phúc-Thông truy-phong Tả-Đô-đốc Bảo quận-công.

4) Có lẽ hồi ấy đã biết vẽ sơn.

5) Bà mất vào ngày mồng 5 tháng 5.

6) Cảnh-lầy xưa là một con ngòi, phát nguyên từ làng Đồng-tỉnh qua làng Thọ-vực, qua Vĩnh an, rồi chảy ra sông Nghĩa-trụ, một chi-lưu sông Nhị-hà. Thời nhà Lê, bà Lê Thái-hậu đi về thăm quê vẫn đi thuyền rồng qua lối này Về sau vỡ đê Phi-liệt, đất bồi thành ruộng cấy. Hồi nhà Lê, một lần, hai bà chúa con gái Thái hậu ở Thăng-long đi thuyền rồng về chơi, đến Cống-cầu Sang rẽ vào, nước lớn, thuyền trôi, rất là nguy ngập, chỗ ấy vào địa phận xã Khúc lộng, người xã Khúc-lộng ra cứu được. Vì thế, bà Thái-hậu cho xã Khúc-lộng được hưởng khức Lầy quan, nhưng phải dọn cỏ cho thuyền đi. Đến nay thành ruộng thì là quan-điền kỳ tại cga xã Khúc-lộng.

7) Hiện nay ở xã Thọ vực có hai chi họ Đào và họ Lê. Năm Dần loạn, hai ông Lê Yên và Đào-Viên nhân điện bị phá có ra thu nhặt những vật liệu về.

8) Trong gia phả có chép một đoạn về phong thủy, chúng tôi ghi dưới đây, không phải vì lòng mê tín, nhưng vì muốn thuật thêm một chuyện bấy nay người ta vẫn cho là ứng nghiệm vào việc chi bà Hoàng Thái-hậu phạp tự.

Gia-phả ấy chép: Nhà họ Đào được ngôi mộ ông Phúc-Diên (bà Lê Thái-hậu gọi bằng cụ).

Mộ táng tại xã Thọ vực, xứ Đồng-giang, cạnh cánh đồng, mạch từ Hoa-cầu (nay là Xuân-cầu) kéo xuống, đến đấy gặp đống cao, thành cao nhất ở địa phương, các đống khác đều chầu lại.

Về phương Dậu gọi là Đống Rút, cao rộng, to mỗi ngày một nở, về sau sinh bà Lê thị-Nhiễm; khi tiền cung rồi sinh ra Thái-tử Duy Diêu (vua Cảnh-Hưng) cũng vào năm Dậu, các nhà phong thủy đều cho là ứng vào chỗ đống Rút.

Trong gia-phả có ghi cả cái ám ngôi đất ấy như sau đây:

Bảo vực (Thọ-vực) danh hương,
mạch địa tối kỳ:
long hoàn Thất quận,
hổ bảo vạn di,
Nhất phong độc tú,
Vạn phụ triều quy,
Địa táng huyền miện,
Kính chiếu nga mi,
Nam sinh quí sĩ,
Nữ xuất hoàng phi,
Hậu đầu thủy khứ,
Vô kế tự nhi.

Hai câu dưới ở gia phả thấy xóa, nhưng ông Đào Cư đọc cho nghe.

Tôn đồ

Đào quý công tự Chính Tâm

Đào quý công tự chính Đức

Đào quý công tự Phúc Diên

Đào tướng công tự Phúc điền

Tặng Đô-Đốc vận quận công, đồng tri văn sự.

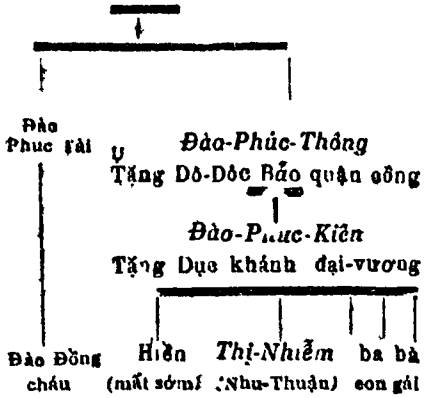

9) Chép theo gia-phả của họ Đào, sách viết năm Minh-mệnh thứ 5 (giáp thân, 1824) tiết hạ chí do tự tôn là Doãn đề tựa.

Quyển sách nhỏ này ông Đào-Đồng cho xem và kể truyện hồi có giặc Bãi-sậy đã phải đem vùi vào đống trấu.

Còn một bản nữa là ngọc-phả khi xưa họ Đào vẫn giữ; về sau thôn Nhân vực kiện hàng xã lấy miếu về tạc tượng bà Hoàng Thái-hậu, có xin với họ Đào đem bản ấy phụng tự, ở trong miếu.

Xin trân-trọng cảm tạ nhà ẩn sĩ Đào Cư và ông cháu chi trưởng Đào Đồng đã giúp tài-liệu viết bài này.

T. Đ.

Một bài thơ...

(Tiếp theo trang 3)

Xe loan mây sớm phủ.
Đỉnh trầm tỏa khói thơm,
Sân rồng hòa nhạc Hộ (7).
Ân-chỉ xuống từ trời:
Lễ-quan kêu Phan (8), Võ (9).
Được vời, ra khỏi ban:
Hồi-hộp mừng lẫn sợ...
Khúm-núm bước lên thềm,
Theo Các-thần (10) dẫn bộ.
Rảo đến bên ngai rồng:
Khom quỳ, nghe ngọt dụ...
Chính tay vua nghiêng bầu
Rót rượu trên án ngự,
Chén bích-ngọc thân ban.
Ngả g trán gió, lĩnh thụ.
Cạn chén, không bớt thừa,
Rượu ngon nhuần tạng phủ.
Trao chén lại thị-thần,
Tạ ơn liền khể thủ.
Xuống thềm trở về ban:
Chân khoa, tay lại múa!
Coi các bang như con:
Ơn ấy hiếm từ cổ.
Khen: lời biểu truân-kiền (11);
Thưởng thơ: ban của lạ.
Cung-cấm cho đi xem,
Riêng vời những ba độ.
May được ngó khuê văn (12),
Khi rảo nơi đường bệ.
Lại được chén ngự tiền:
Rượu trời rảy cam lộ.
Khen, thưởng: ơn rộng to!
Tiếng Thiều (13), lòng trìu mộ.
Phiên-quốc tuy năng sang,
Kỳ thay nay gặp-gỡ!
Báo tin người nước hay:
Thứ nhất đây Sứ-bộ!

***

Bài thơ trên đây, nếu theo quan-niệm thơ ngày nay mà nghiêm-khắc bình luận, thì hình như không có gì xuất sắc về mặt nghệ-thuật cho lắm; nhưng nó có một giá-trị rất quí về mặt sử-liệu, vì nó đã làm chứng cho sự-thực về việc ngoại-giao ở đời Quang-Trung.

Vua Tàu rót rượu mời sứ-thần Đại-Việt: thật là một việc chưa từng có trên trang sử ngoại-giao giữa ta và Tàu xưa.

Phải, trong con mắt vua Tàu ngày trước, người mình ở những triều suy-yếu, có được đếm-xỉa gì đến đâu. Ngay như vua Lê Chiêu-Thống, khi thất thế ở Tàu, chỉ được người Thanh liệt vào hàng quan tam phẩm; huống chi là hàng sứ-thần đi phò một ông Giả-vương! Nếu không phải vì triều Quang-Trung có binh mạnh, tướng hùng, súng ròng, gươm bén ở sau lưng làm hậu thuẫn cho ngoại giao và các văn thần đương-thời đã dùng văn-chương mà làm vẻ-vang cho nước, thì chúng ta đâu có hân-hạnh được đọc bài thơ ghi cái vinh-dự lớn trong hội « áo xiêm ngọc lụa » ấy! (13)

HOA-BẰNG

(Tài liệu bài này rút trong cuốn Quang-Trung đang in).

---

(7) *Thiền-hộ, tên thứ nhạc do vua Thang nhà Ân làm ra. Cũng gọi là nhạc « Đại hộ ». Thiều, ý nói vua Thang có thể nối noi vua Đại Vũ. Hộ, có ý là phòng-giữ che-chở cho nhân-dân.*

(8) *Phan-Huy Ích.*

(9) *Võ-Huy-Tấn.*

(10) *Quan trong Nội các.*

(11) *Thành-khẩn, kính ghin.*

(12) *Cũng như nói « khuê chương », chỉ về văn-chương của nhà vua.*

(13) *Tên thứ nhạc do vua Ngu Thuấn chế ra.*

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 22

Ông-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XVI. — Bố-cái Đại-vương

Nước nam ta từ khi Mai-thúc-Loan xưng đế (vào năm 722) đến khi Phùng-Hưng lấy lại được phủ thành Đô-hộ (là năm 791), trong 70 năm nội-thuộc nước Tàu, nhà Đường hai lần đổi « An-nam » làm « Trấn-nam » (năm 757) lại đổi « Trấn nam » làm « An-nam » (năm 768), Những quan Tàu sang làm đô-hộ hoặc kinh-lược thì nhiều, nay xem trong sách Tàu sách ta, thì sau đời Mai-Hắc-đế có **Tống-chi-Đễ** (làm Giao-châu tổng-quản vào khoảng 725-727), **Hà-lý-Tiến** (làm An-nam đô-hộ năm 751. — *Việt-kiều-thư*, q. 4, tờ 5 b, chép là Hà-phục-Quang; Đễ và Tiến chép theo *An-nam chí nguyên*, q.2 tr. 157), **Khang-Khiêm** (người đi buôn của Tàu, làm An-nam đô-hộ, *Việt-kiều-thư*, q. 4, tờ 5 b, không chép rõ năm nào, chỉ biết là sau đời Tống-chi-Đễ trước đời Triều-Hành), **Triều-Hành** (người nước Nhật-bản, làm An-nam đô-hộ, năm Vĩnh thái thứ 2. Tra niên-biểu thì vua Đường Đại-tông có đặt niên hiệu Vĩnh-thái có một năm tức là năm 765, đến năm 766 đã đổi làm niên-hiệu Đại-lịch thứ 1, chứ không có năm thứ 2 hiệu Vĩnh-thái); **Trương-bá-Nghi** (làm kinh-lược-sứ năm 767, tức là người đắp La-thành đầu tiên); **Phụ-lương-Giao** *Đại-Việt sử-ký*, Tiền-biên, q. 6, tờ 7 b chép làm đô-hộ năm 780, *Việt-kiều thư*, q. 4, tờ 5 b, và *An nam chí-nguyên*, q 2, tr. 157, chép vào năm 782), và **Cao-chính-Bình** (sang làm đô-hộ năm nào, thì cả mấy quyển đều không chép rõ, nhưng xét ra *Việt-kiều-thư*, q. 4, tờ 5 b, chép vào sau Phụ-lương-Giao thì phải, còn như *An-nam chí-nguyên*, q. 2, tr. 157, chép vào trước Phụ-lương-Giao thì không đúng, vì có Cao-chính-Bình thu thuế nặng, nên mới có Phùng-Hưng).

Không biết còn bao nhiêu người nữa, chỉ thấy sách chép có độ 7, 8 người ấy thôi, nhưng trong có người do chân đi buôn, có người ngoại-quốc, chính-sự đều tầm-thường, không có điều gì đáng khen đáng chê, duy có Trương bá-Nghi là người có công với La thành của ta, mà *An-nam chí-nguyên* (q 3, tr. 178) lại chép vào mục nhân-vật An-nam, như sau này: Trương-bá-Nghi là con Trương-Thuận, Trương-Thuận về đời Đường Túc-tông (756 — 762) bổ làm thứ-sử châu Giao, năm 757 người nước Đại-thực, nước Ba-tư đem quân vào ăn cướp, hãm phủ thành An-nam, giết mất đô-hộ là Nguyễn Kính (còn người này nữa có lẽ sau Triều-Hành) nhân thừa thắng, tiến đánh Quảng-châu vây Cổ-thành, Trương-Thuận đem người châu Giao, chẹn đường về của quân giặc, cho nên phá được giặc ở cửa Thần thạch thuộc châu Lục, đến khi báo tin thắng trận về vua Đường, Túc-tông ban chiếu thăng Trương Thuận làm đô-hộ. Sau Trương Thuận mất, vua Đường ban chiếu cho con là Bá Nghi thay làm chức đô-hộ. Trong khi Bá-Nghi làm đô hộ, (năm 767) người nước Côn-luân nước Đồ bà vào cướp An-nam, hãm châu thành, Bá-Nghi cầu cứu với chức đô-úy châu Vũ-định là Cao-chính-Bình, Bình đem quân đến cứu, phá được quân giặc ở chu Diên. Bá-Nghi lại đắp La-thành để phòng bị quân giặc » (*An-nam chí-nguyên*, q. 3, tr. 178; *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, q. 4, tờ 24 a; *Đại việt-sử-ký*, tiền-biên, q. 6, tờ 7 a, *Sử ký toàn thư*, ngoại-kỷ, q. 5, tờ 4 b và 5 a).

Đến năm thứ 7 hiệu Trinh-nguyên (791) đời Đường Đức-tông, mùa xuân, An-nam đô hộ phủ là Cao-chính-Bình thu thuế nhiều và bắt dân đóng góp nặng. Mùa hạ năm ấy (791) có Phùng-Hưng xuất đầu lộ diện.

Phùng Hưng là người xã Đường-lâm, thuộc Châu Phong (Đường-lâm là tên xã, nay là xã Cam-lâm, huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây), người cùng làng với Ngô Quyền, hiện nay xã Cam lâm có đền thờ Phùng Hưng (*Đại-việt sử-ký*, tiền

(Xem tiếp trang 12)

NHÀ GIỒNG RĂNG
Đỗ Ngọc-Giao
173 hàng Bông Lờ Hanoi
Mở lâu năm có tiếng là đứng đắn, và làm cẩn thận hơn hết — Công việc, làm nhanh chóng và có bảo đảm.

Nhân trả lời ông Đinh-gia-Trinh:

SÁCH BIÊN-DỊCH TRIẾT-HỌC

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

Tôi nhớ ông Huỳnh-ư-Mai năm xưa, trên tờ Văn-lang, có viết: *« Kẻ học (xin đừng nhầm là học giả) dễ ngã lòng nhứt, là những khi đưa ý kiến mình ra, rồi đợi chờ mãi, không thấy tiếng nào dội lại, khác hơn là nỗi lặng lẽ lạnh-lùng ».*

Cũng là một kẻ tìm học, tôi rất cảm ơn ông Đinh-gia Trinh; người đã nhắc đến mấy cuốn sách triết-học của tôi, trên tờ *Thanh nghị* số tết. Nhưng, cũng như Huỳnh tiên-sinh đã viết, cảm ơn là chuyện tình riêng, mà biện bác vẫn là quyền của lý trí. Nên mới có bài này.

Vả lại, nhân một chuyện riêng, mà được bàn đến một vấn-đề hợp thời, tưởng cũng nên lắm. Không những thế, chỗ này xin thú thực cùng độc-giả —, tôi còn được dịp cải chính một điều lầm đã đôi phen được thấy trong các bạn bè: là tưởng rằng học-gia Kiều-thanh-Quế (người Nam-kỳ) với tôi (người Bắc kỳ) là một. Vậy xin thưa: Kiều tiên-sinh với tôi chỉ mới được biết nhau trên mặt sách vở và báo chí mà thôi.

***

Tôi không có tờ *Thanh nghị* số tết trong tay, nên không trích được đúng những lời ông Đinh-gia-Trinh đã viết. Nhưng còn nhớ ông trách nhà xuất bản xứ này sao không ra sách triết-học cho có hệ thống. Đồng thời, khi tìm hiểu vì sao xứ này có một phong trào sách triết-học, và vì sao những cuốn biên khảo của ông Tô kiều-Phương hay của tôi được để ý, ông có đưa ra giả thuyết rằng: có lẽ chỉ vì loại sách đó còn mới lạ. Vào sâu trong việc phê-bình hơn, ông có dựa vào một câu quảng cáo của nhà Tân-Việt về cuốn *Sinh-hình-học* của tôi mà đặt cho những sách triết-học hiện thời cái đặc tính là nhắc lại cho những học trò Trung đẳng cũ một vài điều hiểu biết thâu thái từ xưa trên ghế nhà trường. Nhắc đến Einstein, ông lại có lòng tốt chỉ giáo cho rằng có những học thuyết của Einstein mà một người học-trò Toán học không hiểu nổi. Còn những tác phẩm của Kant, vẫn lời ông, ngay đến người Pháp và người Âu cũng coi là những sách nát óc, vỡ đầu (casse-tête) nữa. Có lẽ ông muốn khuyên chúng tôi nên biết phận, đùng chạm đến mà vỡ đầu ra chăng!

Ông Đinh-gia-Trinh thực đã quá cẩn thận vậy.

Nay xin lần lượt trình bày thiển kiến về từng vấn-đề đã được ông mở cho thấy: Sách biên dịch xứ ta, thứ nhất sách triết-học, theo nhời ông, ra đời không có hệ-thống. Vấn đề này, trên *Tri-Tân* số 129 ngày 10 Février 1944, ông Kiều-thanh-Quế đã có bàn đến. Đại ý Kiều quân là trình độ tri thức của học-gia, và cuộc sống của nhà văn xứ này chưa đến bực ra sách có hệ thống cho được. Tôi xin góp thêm một vài ý riêng:

Trước hết, nếu ông Đinh-gia-Trinh để ý đến những nhà xuất bản triết-học bên Pháp, như Félix Alean, Flammarion, Jean Vrin, hay Mellottée (hình như ông Đinh-gia-Trinh chỉ nhắc đến nhà xuất bản sau cùng này), chắc ông cũng thấy rằng họ cho ra sách không có hệ thống, theo nghĩa chữ ấy trong bài phê-bình của ông. Có lẽ vì họ không biết xuất bản theo quan niệm của ông Đinh-gia-Trinh, nhưng có lẽ vì triết-học không có một hệ-thống im lìm thì đúng hơn nữa. Thực vậy, chúng tôi muốn hỏi lại: Thế nào là xuất bản sách triết-học cho có hệ-thống? Ra sách khảo cứu về từng học thuyết chăng? Theo ông Đinh, thì không phải rồi. Ra những cuốn khảo cứu về từng khoa trong triết-học chăng? Theo ông Đinh có lẽ đúng như thế. Những bắt đầu ở khoa nào? Ông Đinh mách: Trước khi ra cuốn Siêu-hình-học, phải có một cuốn Tâm-lý-học.

Tóm lại, hệ thống của ông Đinh là từ dễ đến khó vậy.

Nhưng, chúng tôi xin thưa lại.

1°) Nói như thế có cái lầm đầu tiên là khinh độc giả: Ông Đinh-gia-Trinh coi người đọc như thế nào? Có phải là những học trò cần dắt từ chỗ này đến chỗ khác không? Ông e người đọc không

hiểu nổi một cuốn biên khảo về từng triết gia? Sự e ngại đó có lẽ thừa. Xét cho kỹ, quan niệm của ông về những sách biên khảo Việt-nam hiện thời đại khái như thế này: Sách ấy viết cho bọn « học kém » xem, phải viết cho có hệ thống chứ. Còn như những nhà trí thức, học cao, ai thèm đọc! Vậy phải bắt đầu đi từ chỗ dễ dàng rồi dần dà mới lên đến những chỗ thâm áo.

Tôi xin nhường quyền phê phán quan niệm ấy cho bạn đọc. Riêng về chuyện dễ, khó, tôi xin thưa: cái dễ khó là cái tương đối. Năm nay còn là sách khó, có lẽ sang năm đã thành sách dễ. Người viết chớ coi thường: hãy đem hết tài trí rút vào cây bút, chưa chắc đã đủ cho quần chúng đọc. Không gì khó chịu bằng đọc văn một kẻ tự phụ: luôn luôn thấy những cái dễ dàng « gượng », những nét đơn sơ « giả dối ». Luôn luôn thấy giọng dậy đời của một kẻ còn cần phải được dạy

Riêng phần chúng tôi chưa bao giờ dám tự coi viết nổi một bộ triết-học có hệ thống như ý ông Đinh-gia-Trinh. Nếu những vấn đề chúng tôi trình bày có được cái may mắn là bạn đọc thấy trong sáng, ấy là vì những vấn đề ấy « bản thân » vẫn trong sáng. Còn người viết không thể làm cho dễ dàng một học thuyết rắc rối, cũng không thể biến thành hợp lý, một chủ nghĩa sai lầm vậy.

2) Vả lại, mỗi người hiểu cái dễ khó trong triết-học một khác. Chỗ này phải dành lời cho những nhà chuyên môn. Descartes bắt đầu xây dựng hệ thống của ông trên Phương-pháp. Vậy đối với ông, cần

> **Thống-chế Pétain đã nói:**
>
> *Chỉ yếu sách chỉ làm ngừng trệ cuộc tiến hóa. Lòng cộng tác mới giúp ích cho bước tiến hóa kia.*

đặt rõ một phép luận-lý đầu tiên, và cuốn sách đầu tiên cần ra đời là một cuốn luận-lý học. Trong hệ thống, Aristote trái lại, luận-lý là phần cao nhất và phần cuối cùng. Spinoza xây dựng hệ thống của ông trên một vài nhời định nghĩa trong khi Bergson bắt đầu đi từ một vài điều nhận xét về tâm lý, và viết *Introduction à la métaphysique* (Siêu-hình-học nhập môn) sau *Données immédiates de la conscience*. Kant cho in *Critique de la Raison pure* trước *Prolégomènes*, Nietzsche mãi hết đời mới cấu tạo được *Zarathoustra*. Mỗi nhà triết-lý hiểu chữ hệ thống theo một khác. Ông Đinh-gia-Trinh cho rằng tâm-lý-học cần ra đời trước Siêu-hình học. Đó là ý kiến riêng của ông. Riêng về phần tôi, tâm-lý-học chưa phải một khoa-học thực nghiệm. Nó còn vương vít trong vòng phương-pháp siêu-hình: Không biết qua trực giác luận của Bergson đừng có hòng hiểu học thuyết của nhà triết-học Pháp về thời gian, về sự phân rẽ số lượng với phẩm chất, thời gian với không gian, cũng như những quan niệm của ông về bản năng hay trí nhớ. Không đọc qua đa-nguyên luận (pluralisme) hay thực dụng chủ nghĩa (pragmatisme) làm sao nắm được trọn vẹn chủ trương của William James về *dòng tư duy* (stream of thought); về những sự *biến đổi bất kỳ* (variations brusques) trong lý trí. Tôi chưa kể đến những duy-lý-luận của Kant hay Leibniz, cũng như những chủ trương khác nhau về vấn đề *tự-do với chỉ định* (liberté et déterminisme). Có những vấn đề đứng giữa tâm lý học và siêu-hình-học mà ta không phân biệt được rõ hẳn thuộc về bên nào: một chứng cớ giản dị: vấn đề tự-do, xưa xếp trong tâm-lý học (dở Cuvillier hay Challaye ra sẽ thấy) mà trong chương trình học mới lại xếp vào siêu-hình-học, cũng như vấn-đề lý trí (problème de la raison). Nhân tiện cũng nên nhắc qua rằng ông Cuvillier đã viết tập thứ hai trong bộ triết-học toàn thư của ông, gồm Luận-lý học, luận lý học, và siêu-hình học, bảy tám năm trước tập thứ nhất (Tâm-lý học).

Riêng ý chúng tôi, trong siêu hình-học cần phân biệt nhiều phần một phần siêu-hình cổ, trừu tượng và rắc rối, một phần siêu-hình mới thiết thực vì đi sát với khoa học Trong tất cả triết học, quan trọng nhất là vấn đề phương pháp. Có một phương pháp thích đáng các vấn đề triết-học giải quyết dễ dàng và giản dị Vì vậy cần trình bày nó trước. Nhưng phương pháp đó phải có tính cách khái quát. Nó không thể là phương pháp của riêng một khoa học nào mà phải bao trùm tất cả các khoa học. Chúng tôi tưởng đã tìm thấy nó

(*Xem tiếp trang 14*)

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(*Tiếp theo trang 9*)

biên, q. 6, tờ 8 b, *Sử ký, toàn-thư*, ngoại-kỷ, q 5, tờ 6 a, *Lĩnh-nam trích quái* số A 1897, tờ 28b) *Ngự-chế việt-sử tổng-vịnh*, q. 1, tờ 13 b, chép theo cựu-sử, đều chép là châu Giao, duy quyển *Khâm-định việt-sử* tiền-biên, q. 4 tờ 26 b, chú thích rằng: Cựu-sử chép châu Giao là nhầm).

Gia-tư bảo Phú, có sức khỏe hơn người, thường bẻ sừng trâu và bắt hổ tay không (*Việt-điện u linh*, số A 751, tờ 16 a chép: Phùng-Hưng đời đời nối chức tù trưởng châu Đường-lâm, vẫn thường gọi là Quan-lang). Em Phùng-Hưng là Phùng-Hải, cũng có sức khỏe, thường vác được phiến đá nặng 1000 cân, hoặc vác thuyền nhỏ chở độ 1000 hộc lúc, đi xa hơn 10 dặm, cho nên nổi tiếng trong nước (Đoạn này theo *Việt-điện u linh*, A 751, tờ 16 b, *Lĩnh-nam trích-quái*, A 1897, tờ 28 b).

Trong hiệu Đại-lịch (766-779) nhà Đường, nhân Giao-châu có loạn, anh em đem quân chúng đến thu phục các ấp láng-giềng, đi đến đâu người ta theo như giỏ lướt. Phùng-Hưng đặt hiệu là Đô-quân, Phùng-Hải đặt hiệu là Đô-bảo (*Việt-điện u-linh* và *Lĩnh-nam trích-quái* chép: Hưng đổi tên là Cự-lão, hiệu là Đô-quân; Hải đổi tên là Cự-lực hiệu là Đô-bảo).

Vừa gặp An-nam đô-hộ kinh-lược-sứ là Cao-chính-Bình thu thuế nhiều, bắt dân đóng góp nặng, nhân-dân ta oán. Anh em Phùng-Hưng đem quân đến đánh, đã lâu không được. Đến bấy giờ (mùa hạ năm 791) mới dùng mưu kế người làng Đường lâm là Đỗ anh Hàn, đem quân vây phủ đô-hộ, Cao-chính-Bình lo sợ rồi chết (*Ngự chế Việt-sử tổng-vịnh* chép: Khi hai bên đánh nhau, đuốc lửa suốt đêm, chiêng trống vang giời, Chính-Bình lo sợ quá mà chết. *Sử-ký* và *Toàn-thư* chép: Chính-Bình lo-sợ buồn-rầu phát bệnh hậu-bối mà chết; *Việt điện u-linh* chép: Phùng-Hưng xưng hiệu Đô-quân rồi dùng mưu-kế người làng Đường-lâm là Đỗ-anh Luân (có sách chép Đỗ-anh-Hàn), đem quân đi tuần-hành các châu Đường-lâm, châu Trảng, châu Phong, đi đến đâu ai ai cũng theo về cả, oai thanh càng ngày càng nổi, nói rao lên rằng: sắp lấy phủ đô hộ, Cao-chính Bình đem quân mạc-hạ (dưới màn, tức là quân thân mật ở trong nhà ra đánh không được, lo buồn thành bệnh rồi chết.).

Chính-Bình chết, Phùng-Hưng vào ở Phủ trị, cho Phùng Hải làm thái-úy, chưa được bao lâu thì mất (chỗ này *Việt-điện u-linh* chép: Hưng coi việc 7 năm, *Lĩnh-nam trích-quái* chép: 17 năm, đều sai cả, cứ theo mấy quyển Việt sử và niên-biểu, thì chỉ trong một năm). Dân-chúng muốn lập Phùng-Hải nối ngôi, tướng của Phùng-Hưng là Bồ-phá Lặc có sức khỏe hơn đời, « thường nhổ núi hoặc nhắc vạc tay không », cố ý không chịu theo dân-chúng lập Phùng-Hải, dân-chúng bèn tôn con Phùng-Hưng là Phùng An làm chức Đô phủ-quân. Còn Phùng-Hải thì tránh Bồ-phá-Lặc dời đến ở động Chu nham, sau không biết đi đâu mất.

Phùng-An đã nối ngôi, tôn cha làm Phùng-Hưng là Bố-cái đại-vương. Vì theo cổ-tục gọi cha là Bố, gọi mẹ là Cái, cho nên tôn hiệu Bố-Cái là tỏ ý tôn-thân, thế mới biết nước ta lúc bấy giờ chưa có văn-học, có 1 chữ hiệu mà còn dùng nửa chữ nửa nôm như vậy!

Phùng-An nối ngôi được ít lâu, Đường Túc-tông cho Triệu-Xương sang làm An nam đô-hộ. Triệu-Xương đến nơi sai sứ đem lễ nghi và phẩm-vật đến dụ Phùng-An trước. Phùng An cũng sắm đủ nghi-vệ ra đón, xin hàng.

Sau khi Phùng-An mất, người bản-thổ thấy hiển-ứng linh-dị, dân chúng gọi là thần, mới lập đền ở phía tây phủ đô-hộ để thờ cúng. *Đại-Việt sử-ký* (q.6, tờ 9 a) chép: Đền thờ hiện ở Tịch-điền, phường Thịnh-cuông, người làng ấy gọi là « Tây-hưng vương ». *Sử-ký Toàn thư* (q. 5, tờ 6 b) chép: Ngài tức là Phu-Hựu Chương-tín Sùng-nghĩa Bố-cái đại-vương.

Chuyện chép trên này là theo mấy quyển sử của ta, còn sử Tàu thì tuyệt-nhiên không thấy chép đến việc ông Phùng-Hưng, chỉ thấy *Việt-kiều-thư* (q. 4, tờ 6 a) chép: « An nam tù liêu Đỗ-anh-Hàn... », *An-nam chí-nguyên* (q.2, tr. 157) chép: « An-nam liêu-tù Đỗ-anh-Hàn ». *Tư trị thông-giám* (số 2076, 9.233, tờ 10 b) chép: « Quần man tù-trưởng Đỗ anh-Hàn... » đại-khái nói: « người đầu xỏ hay người chúm ở An-nam là Đỗ-anh-Hàn ». Cứ như thế thì cái mưu-kế của Đỗ-anh-Hàn không những là người có công với Bố-cái đại-vương mà chính là người có công to với nước Nam, vì Phùng-Hưng sở dĩ được tiếng là một bậc « anh-hùng tạo thời-thế », được lưu-truyền là một người biết yêu-nước thương-dân cũng là nhờ có Đỗ-anh-Hàn mới « công thành danh toại ».

Việt-điện u-linh (số A 751, tờ 17 b đến 18 b). lại chép rằng: « Khi Ngô Tiên-Chúa (tức Ngô-

Quyền, cùng người làng Đường-lâm) dựng nước, quân Tàu sang xâm-chiếm, Tiên-Chúa lấy làm lo lắm, đến đêm nằm mộng thấy một ông đầu bạc, áo mũ chỉnh tề, quạt lông gậy trúc, tự đến trước mặt Tiên-Chúa, kể rõ họ Phùng tên Hưng, và nói rằng: đã có một vạn thần-binh, mai phục ở nơi hiểm-yếu, Chúa-công nên mau-mau tiến quân, khác có âm-phò, không lo ngại gì ». Đến trận đánh nhau ở sông Bạch-đằng, quả nhiên nghe tiếng xe ngựa ở trên không, rồi sau thắng trận, Tiên-Chúa lấy làm linh-dị, ban chiếu dựng lại đền thờ, sửa thêm qui-mô cũ cho sảng-khải, lại cấp cho cờ quạt chiêng trống và dùng thái-lao đến tạ lễ. Trải đời vua thay đổi, dần dần thành cổ lễ, trong đời Trần ba lần phong sắc, mỗi lần là « Phu-hựu Chương-tín Sùng-nghĩa » đến nay vẫn còn hương khói.

Ông Lý-tế-Xuyên chép *Việt-điện u-linh* có lời phụ-bình rằng : Lúc sống được vinh danh, lúc mất được hiển hiện, rõ ràng chép ở sử sách, được như Phùng Đô-quân, chưa dễ mấy người, bầy tôi lại có Phá-Lặc là người có lòng tận trung kiệt tiết, con là Phùng-An lại biết nghĩa ủy-thiên sự đại, lập cho Đường-lâm thành một nơi danh-thắng, Phùng Đô-quân thực là một người dựng lá cờ-đỏ đầu tiên... ».

***

Truyện Lý-ông-Trọng (trả lời báo *Thanh-niên*), bài nối.

Báo *Thanh niên*, số 25, ngày 19-2-1944, đăng ở trang 7 và trang 10, một bài đề là *Quanh chuyện Lý Ông-Trọng*. Trên « nhắc rằng từ lâu không còn nhận sự cộng-tác » của tác-giả bài *Lý-Ông-Trọng*... đăng ở *Thanh-niên*, số 14, dưới nói « Chỉ muốn để tâm suy nghĩ về những hành vi của tiền nhân, cũng mong được bổ ích đôi chút... « Thận trọng » thì chúng tôi (là báo *Thanh-niên*) vẫn hết sức thận trọng, nhưng không khỏi lầm khi có việc và chúng tôi non nớt « không có người xét nỗi » như cụ đã vui lòng dạy bảo. Chúng tôi muốn nhờ cụ giải giùm không biết có nên chăng ? »

Nên lắm, nhưng trước hết phải biết tìm, biết dịch những sử-liệu bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm, không nên lầm-lẫn như tác-giả bài *Lý-Ông-Trọng* đăng ở *Thanh niên*, số 14. Muốn « suy nghĩ về những hành vi của tiền nhân », trước hết phải biết những hành-vi ấy thế nào, mà muốn biết thì phải tìm sử, chép sử, cho rõ đủ, rõ đúng, mà tập lấy những tư-cách dạy trong các sách làm sử, của những tay chép sử cự phách, như ông G. Monod (*De la méthode dans les sciences*), Ông Ch.-V. *Langlois* và Ch. *Seignobos* (*Introduction aux études historiques*), *v v.*

Bài *Quanh chuyện Lý Ông Trọng* có đủ những tư-cách ấy không ?

Trước kia báo *Thanh niên* đã cải-chính ở số 19 ngày 8-1-1944, nay đổi ý, nói tôi « đã *đặt* Lý Ông Trọng trong mục « Đại-Nam dật-sự » *vào hàng* những Lý Cầm, Lý Tiến và Khương Công Phụ, *những người Nam làm quan Tàu*... mà người ta có thể nói (?) một *danh nhân Việt Nam*, vì là « người Nam » có để tiếng lại trong sử sách » ! Những lời lẽ như thế không phải bẻ, cho được tai trường mắt độc-giả, duy có lời chua về chữ « đặt » nên nói qua. Báo *Thanh niên* chua rằng: « Chữ « đặt » ở đây, tưởng ai cũng hiểu rằng có nghĩa là « để », là « sắp ». Ông Ứng Hoè Nguyễn văn Tố lại hiểu gần như (?) là « bịa », là « bày » (!) và ông bảo người ta « thiếu hẳn cái khiếu thông hiểu và cái năng lực xét đoán » — chỉ vì ông lẫn lộn « đặt ra » với « đặt vào » ! Chẳng may cho bảo *Thanh niên*, người bạn cũ của *Thanh niên* viết ở báo *Thanh niên* (số 14, ngày 4-12-1943, trang 8, cột 1) một câu như thế này: « Không hiểu sao » tôi « lại có một thái-độ nhận Lý làm danh nhân nước Việt » ! Thế là không những bịa chuyện ra rằng tôi « đã đặt Lý Ông Trọng vào hàng danh nhân Việt-Nam », lại còn đặt điều ra rằng tôi « có một cái thái-độ nhận Lý làm danh nhân nước Việt » !

Báo *Thanh niên*, tuy đã cải-chính, nhưng muốn cãi hòa, mới dùng lối « qui-biện », nói toàn dọng ngụy-thuyết, nhưng lại quên mất câu « nhận Lý làm danh nhân nước Việt », thành ra lại càng rõ cái thái-độ của *Thanh niên*. Đã cố tính in trước quên sau, thì viết nổi thế nào được mục *Quốc sử đoản bình* ? Cách « hành vi » của người trong nhà còn chẳng xét nổi, thì nói chi đến « những hành vi của tiền nhân » ?

Có những thế mà thôi đâu ! Lại còn viện những lời lẽ, như chữ « hiểu *gần* như là... » hay câu « cũng *không hẳn* nói sai », hoặc câu « người ta *có thể* nói... » ! Sử-học cốt tìm sự thật : nếu đã lầm rồi, mà còn cố-ý cãi như thế, thì mong sao có đủ tư-rách để viết mục *Quốc sử đoản bình* ?

Tuy vậy, tôi vẫn tin ở lời báo *Thanh niên* nói « bao giờ cũng thờ *Lương tâm* trên tất cả », nên tôi chắc rằng bạn đồng-nghiệp sẽ tỉnh-ngộ và sẽ « đăng bài đầy cho độc giả » *Thanh niên* « biết rõ sự thật » ; báo *Thanh niên* đã từng « cho sự dính chánh ấy là một *phận sự*, hơn là một *sự cưỡng ép* ».

(*Còn nữa*)

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Sách biên-dịch...

(Tiếp theo trang 11)

trọng triết-học tây phương, trong siêu-hình-học mới. Vì vậy nên viết siêu-hình-học trước. Bạn nào đã đọc cuốn sách nhỏ của chúng tôi hẳn thấy rằng nó chỉ cốt phác lại cuộc sinh thành ra phương pháp mới ấy. (Siêu-hình-học quyển 2 sẽ đem áp dụng phương pháp đó vào một vấn đề căn bản: vấn đề tâm và vật).

3°) Vậy, chúng tôi cũng đã để ý đến vấn đề hệ thống về *Phương diện hình-thức.* (au point de vue formel) Nhưng dù không, cũng chưa đáng trách, vì ta có thể hiểu chữ hệ thống theo *Phương diện nội dung nữa* (au point vue matériel). Một triết-học nhiều khi không cần có đầu đuôi mà vẫn có hệ-thống. Cái hệ-thống nó *nằm bên trong* những nhời giải. Cái hệ thống nó ở chỗ *điều hòa* các ý tưởng với nhau cho thành một khối chắc chắn. Về phương diện nội dung đó, chúng tôi tự nghĩ thật cũng không đáng trách, vì những sách triết-học nào mang tên Nguyễn-đình-Thi cũng *đều đã được nghiên cứu theo một quan điểm duy nhất.* Chúng tôi đã có một quan niệm, không hiểu đúng hay sai, nhưng rất rõ rệt về lịch sử triết-học. Chúng tôi chưa có cái may là được học giả làm cho phải thay đổi ý kiến. Vì vậy, cho đến nay, chúng tôi vẫn được dùng một tiêu chuẩn, độc nhất để phê-bình Kant-Nietzsche-Enstein hay Descartes Nếu không e mang tiếng, có lẽ chúng tôi cũng dám như ai kia mà nói rằng đã viết có hệ-thống vậy.

***

Nói chuyện hệ-thống tạm xong, xin bước sang chuyện phong trào sách triết-học. Ông Đinh-gia-Trinh có ý nhắc qua rằng sách triết-học hình như bán chạy. Việc đó đáng lẽ chỉ quan hệ cho nhà xuất bản của tôi. Nhưng, ông lại thêm một câu nghi ngờ nửa chừng giá trị những sách triết-học của tôi, và giảng nghĩa sự bán chạy đó bằng cái gia thuyết: ấy chỉ vì độc giả hiếu kỳ.

Ông Đinh-gia Trinh nói rất đúng. Và tôi cũng mừng rằng độc-giả biết hiếu kỳ khôn ngoan như vậy. Vì sách chúng tôi soạn ra, nào dám hy-vọng sống lấy vài năm. Chỉ dám đem một câu chuyện nêu lên để học thêm thôi vậy.

Nhưng cũng vì chúng tôi mong tìm học, nên lời phê-bình của ông Đinh khiến chúng tôi thất vọng triệt-để. Chúng tôi tưởng sẽ được nghe những lời vàng ngọc, vạch rõ những điều hiểu lầm, nói sai, dẫn trái. Chúng tôi tưởng sẽ được trông thấy ánh sáng rực rỡ của một bình giả uyên thâm. Nhưng than ôi, ông Đinh-gia-Trinh nói chuyện quá mơ hồ. Và chúng tôi, đọc ông, cũng chưa học thêm được gì hết!

Viết đến đây, chúng tôi nhớ đến những bài phê-bình của Phan-văn-Hùm. Nếu ông Đinh-gia-Trinh chưa đọc nhà văn đó, tôi xin mách một vài thí dụ: «Phê-bình bài Tìm chân-lý của ông Sơn-Trà» trong Tiếng dân 7 Septembre, 11 Septembre, 14 Septembre 1935— Phê bình bài, «Phê-bình với văn hóa» của ô. Thượng-Tân trong Phụ nữ Tân-Văn 3 Mai 1931 v.v... Hay muốn dễ dàng hơn, — xin nhớ tôi không hề làm quảng cáo cho nhà xuất bản nào —, xin ông tìm tập *Luận lùng* vừa xuất bản được ít lâu.

Nhân chuyện phê-bình, chúng tôi buồn rầu thú thật với bạn đọc là những sách chúng tôi cho ra đời, nhiều khi thực vì gượng gạo, và làm cho chúng tôi buồn. Những cuốn đầu tiên của chúng tôi — *Kant - Nietzsche* —, chỉ ra được một phần, mà lại in lầm ghê gớm. Có khi lầm mà lạc cả nghĩa câu văn, «tri thức» thành «tri thức», «phản đối» thành «phản đối». Có khi sót một giòng thành nghĩa câu ngược hẳn lại (như một câu trong Enstein). Tuy vậy, bình giả cũng vẫn thương tình làm ngơ cho. Năm ngoái, cũng trên tờ Tri tân này, một bạn phê-bình cuốn triết-học Nietzsche, khi nhắc đến «Tri-thức-*luận*» của Nietzsche chỉ viết «*Tri-thức*» của Nietzsche Đặt mình, chúng tôi dở ra xem lại, thấy quả trong sách chỉ in «Tri-thức» của Nietzsche thật.

Người viết sách biên khảo ở xứ ta hiện thời có lẽ cầm bút một cách nặng nhọc và đau đớn hơn cả. Đau đớn vì không ai biết đến cho. Một số bình giả xứ này thường hay khinh suất. Một ví-dụ: Có người chê loại sách khảo cứu là một loại sách không có một tinh thần gì riêng biệt. Theo nhà bình-giả ấy, chỉ cần xem sách đúng hay sai mà thôi. Nhưng mà trời ơi, cái khó là làm sao mà biết đúng hay sai chớ. Tác phẩm Descartes có ba bốn quyển mà người ta cãi nhau ba bốn trăm năm nay còn chưa xong. Vấn đề căn bản trong triết học chỉ có một vấn đề tâm và vật mà hai ngàn năm nay

mới gần ngã ngũ hẳn. Muốn phê-bình nội dung một cuốn sách biên khảo, trước hết cần nắm cho được phương pháp của tác giả đã. Chưa nắm được, xin đừng nói chuyện phê-bình chi, và có phê-bình được, có đáng phê-bình, cũng chỉ có phương pháp đó.

***

Khi nói rằng ông Đinh-gia-Trinh không chịu phê-bình thiết thực gì, có lẽ tôi đã lầm, vì ông có viết về cuốn *Siêu-hình-học* mấy câu nặng nề rằng cuốn đó — cũng như những sách triết-học khác — chỉ nhắc lại một vài điều hiểu biết có tính cách nhà trường.

Tôi không dám phê-bình những sách triết-học do các tác giả khác trình bày, (nhưng tôi tưởng một cuốn như Phật giáo triết-học thực không « nhà trường » chút nào), nhưng riêng về những sách của tôi, thật không dám nhận cái hân hạnh là có thể đem dạy học trò. Có lẽ nào ông Đinh-gia-Trinh lại tặng tôi cái hân hạnh đó cho được. Đúng hơn, có lẽ ông đã định nói rằng những sách của tôi có hai liệt điểm :

1·) Một là phỏng theo các sách nhà trường ;

2·) Hai là không sáng tác được gì mới lạ.

Đáp lại lời trách cứ thứ nhất, tôi chỉ còn biết mời ông Đinh gia Trinh đọc những sách tôi đã cho ra đời mà thôi. Vì ông không đọc — tôi dám thắc như thế — mà phê-bình thì sao cho công bằng được.

Nói ra thì mang tiếng — mà chúng tôi vẫn tự biết mình chỉ đáng bực học trò nước người —, nhưng xin cúi đầu chịu tội mà phải nói rằng trong những sách giáo khoa hiện thời, phần Siêu-hình-học chỉ được lối một trăm hay hai trăm trương. Bộ Siêu-hình học của chúng tôi, nếu in làm một cuốn, trái lại có lẽ dày trên một ngàn trang. Cuốn thứ nhất, bàn về vấn đề bình luận — là một vấn đề mào đầu — đã mất hơn ba trăm trang. Thực bất tài, chúng tôi không sao rút ngắn hơn được.

Nhưng, ông Đinh-gia-Trinh sẽ trả lời, dài ngắn có chứng tỏ được gì. Anh viết phỏng theo ý của người, kéo dài bao nhiêu chẳng được.

Chúng tôi lại đành mời ông so sánh cách trình bày của cuốn Siêu-hình học tiếng Việt Nam, với những phần Siêu-hình học nho nhỏ trong các sách chữ Pháp, Đồng thời, chúng tôi mong ông đọc mấy lời đầu sách, để xem qua điểm của chúng tôi đối với những vấn đề siêu-hình như thế nào.

2·) Đáp lại lời trách cứ thứ hai (không sáng tác được việc gì mới lạ), chúng tôi chỉ còn biết nhận là phải. Vâng, chúng tôi chưa dám nghĩ gì đến chuyện sáng tác, nếu ông hiểu sáng tác là đặt ra một chủ nghĩa mới. Chúng tôi được cái may mắn là đã thấy trong triết-học có một vài con đường mà chúng tôi tin là phải. Không còn dám nghĩ đến sáng tác — vì một đời, một thế kỷ được mấy triết gia sáng tác được lâu dài về sau —, chúng tôi chỉ mong hiểu thấu kỹ càng những của báu cho người trước để lại. Nhưng một đôi khi người xưa không vạch rõ tính cách này hay tính cách khác của một học thuyết. Nếu gặp dịp, chúng tôi đã cố gắng phụ theo người xưa nối một hai nhời. Chẳng hạn, — thực buộc lòng mà phải nói ra như thế này — người đi trước chê những chủ nghĩa xưa là tĩnh. Chúng tôi đã cố gắng tìm xem tĩnh ở chỗ nào, và vì sao tĩnh lại đáng chê. Không dám sáng tác gì, nhưng chúng tôi cố tìm một con đường dễ đi để bước vào các vấn đề triết-học. Một vài chìa-khóa đã hình như hiện ra trước mắt chúng tôi, và nhờ đó, chúng tôi đã dám mạnh bạo bước. (những chìa-khóa ấy thu thập trong một cuốn *Triết-học nhập môn*, và một cuốn *Introduction à la philosophie* sắp ra mắt bạn đọc người Nam và người Pháp).

Đấy là so với những chủ nghĩa của các triết gia. Còn so với những sách giáo khoa, chúng tôi tưởng cũng đem đến được một đôi điều

Đã có bán

MÁI TÂY

tức

TÂY SƯƠNG KÝ

Bản dịch của Nhượng Tống
Có cả lời phê bình của Thánh Thán in làm một quyển — 550 trang bìa litho 5 màu
Giá 8$50

TRĂNG MA LẦU VIỆT

của Quách Tấn
Viết theo bộ « Tân biên truyền kỳ » của cụ Nguyễn Dỗ
Giá 3$20

Phiếm luận về

AUGUSTE COMTE

của Ng. ái Lang *Giá 3$00*

Sắp có bán

LY TAO *của Khuất Nguyên*
Bản dịch của Nhượng Tống

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
11 29, Lamblot — Hanoi

mới mẻ. Những quan niệm động, tĩnh, mà chúng tôi lấy làm căn bản, trong các sách giáo khoa không có, hoặc mới trình bày mờ mịt. Ấy là vì chúng tôi được cái may đi sau, được cái may hưởng sẵn công trình của người đi trước, Pascal xưa đã chẳng nói ta già hơn người xưa sao?

Nhời trách của ông Đinh-gia-Trinh thực có đúng mà cũng có sai lầm vậy.

***

Đến đây, chúng tôi e đã mang tội nhiều với bạn đọc. Vì vậy, không còn dám kéo dài hơn nữa.

Nhưng trước khi kết luận, không sao có thể yên lòng, nếu không cám ơn ông Đinh-gia Trinh, đã quá cẩn thận, e chúng tôi vỡ đầu khi chạm đến Einstein hay Kant.

Chúng tôi xin thưa: đã có một cái mũ sắt rất chắc chắn! Ấy là những sách vở khảo cứu về các triết gia, những cuốn lịch sử triết-học, và những lời bình của triết gia nọ đối với triết gia kia.

Ông mách rằng học thuyết Einstein, một anh học trò toán học không hiểu nổi. Vâng, chúng tôi cũng biết thế. Nhưng ông Đinh-gia-Trinh có đọc sách của Bagevin, của Bergson, và của Einstein; về Einstein không nhỉ. Tôi có cần phải viện ra đây những bài của nhà khoa học trứ danh đó (Einstein) viết cho độc giả báo Times về ý nghĩa thuyết tương đối, hay những bài diễn văn đã chạy quanh hoàn cầu của người?

Vả lại, chúng tôi nào có dám nói đến Toán học Einstein. Chúng tôi chỉ cố gắng tìm ý nghĩa, và ảnh hưởng *triết-học* của những điều phát minh như Einstein mới có mà thôi. (Công việc đó, — mách thầm ông Đinh gia-Trinh, có khi nhà khoa học hẹp hòi không làm nổi đấy). Không những thế, chúng tôi nào có hy vọng gì tìm thấy đúng triệt-để ý nghĩa triết-học của thuyết tương đối. Đường đột trình bày quan niệm của mình, chỉ vì mong mỏi được nghe thức giả dạy lại đó thôi.

***

Phong trào sách biên dịch trong văn chương Việt nam ngày nay còn hỗn độn. Điều đó ai cũng biết. Nhưng sự hỗn độn đó không phải dấu hiệu đáng lo, mà chỉ lẽ tự nhiên. Nó biểu dương cái sức sống mạnh mẽ của tinh thần và văn chương Việt nam vậy.

Trong lúc còn chưa phân biệt phận sự nhà cầm bút, thứ nhất phận sự nhà phê bình, là cần rộng lượng, và thận trọng. Thận trọng mới biết phân biệt, rộng lượng mới biết nâng đỡ. Cũng có khi cần ác nghiệt, nhưng ác nghiệt cho đúng đường.

Vả lại chỉ những nhà phê-bình chân chính mới có ảnh hưởng đến kẻ cầm bút. Một nhời phê bình sai lầm, hay non nớt, chỉ làm hại cho nhà phê-bình.

Khi đọc ông Đinh gia-Trinh, và ngẫm đến những bình giả lớp trước, tôi buồn rầu mà nghĩ: không biết, mười năm trời nay, văn chương phê-bình Việt nam có thật tiến được một bước dài không? (1)

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

(1) Sau bài này, tôi xin miễn tranh biện. Không phải vì tôi trốn ánh sáng, nhưng vì tôi không hay nhiều lời. Cực chẳng đã mà phải dãi bày, tôi cũng biết đã mang tội rất nhiều với bạn đọc. Chỉ xin từ nay lặng lẽ làm việc cho mỗi ngày một xứng đáng lòng yêu của bạn đọc hơn.

ĐÓN COI SỐ SAU 133 ĐẶC SAN VỀ:

THI CA VIỆT NAM

(Tập thứ nhất)

- **Ứng hòe Nguyễn văn Tố** sẽ trình bầy một bài khảo cứu rất công phu về thơ vịnh sử đời Hồng Đức.
- **Hoa Bằng** sẽ nói về lịch trình tiến hóa của thi ca qua các thời đại...
- **Tiên Đàm** sẽ giới thiệu những bài thơ rất đặc sắc trong tập thơ Thảo Trang.
- **Phạm mạnh Phan** sẽ trình bầy một cuộc chưng cầu ý kiến trong làng văn về: *Các câu thơ nôm hay.*
- **Lê Thanh** sẽ phỏng vấn thi sĩ Á Nam Trần tuấn Khải và nhiều bài đặc sắc khác của các văn nhân: **Kiều thanh Quế, Tùng Vân, Bạch Diện, Nhật Nham, v. v...**

Gốc-tích thành Huế

(Tiếp theo trang 5)

Bộ *Đại-Nam nhất thống chí* chua rằng: « Tây-quyền chính là Quảng bình bây giờ (nhưng ông L. Aurousseau, *Bull. E. F. E. O.*, quyền XIV, số 9, trang 28, cho Tây-quyền là ngay cạnh thành Huế). Tị-cảnh chính là Thừa-thiên và Quảng trị (nhưng ông G. Maspero, *Le royaume de Champa*, trang 83, cho Tị-cảnh là Quảng-bình bây giờ). Châu-ngô chính là Thừa-thiên và phủ Điện-bàn tỉnh Quảng-nam bây giờ. Lư-dung chính là phủ Thăng-bình tỉnh Quảng-nam và tỉnh Quảng-ngãi bây giờ. Tượng-lâm chính là Bình-định Phú-yên bây giờ. Vậy thì Tị-cảnh và Châu-ngô đời Hán, là châu Ô, châu Lý của Chiêm-thành; đời Trần là Thuận-hóa, mà Điện-bàn thuộc Hóa-châu » (dịch ở *Đại Nam nhất thống-chí*, quyền Thừa thiên, tờ 3 a-b, sách in năm 1909).

« Đến năm Đại-nghiệp thứ nhất (605) nhà Tùy, Lưu-phương dẹp Lâm-ấp, lấy đất ấy đặt tên là Đăng-châu, rồi đổi ra quận Tị-cảnh, coi bốn huyện: Tị-cảnh, Châu-ngô, Thọ-linh và Tây-quyền. Cuối đời Tùy lại mất về Lâm-ấp;

« Năm Trinh-quán thứ hai (628) nhà Đường lấy quận Tị-cảnh đặt ra bảy châu, lại đổi tên là châu Nam-cảnh, rồi lại đổi là châu Cảnh, coi ba huyện Tị-cảnh, Châu-ngô và Do-văn, quận-trị ở cội nam châu Hoạn (dịch ở *Đại-Nam nhất thống-chí*, quyền Thừa-thiên, tờ 4 b-5 a).

Theo sách Tàu và bài khảo-cứu của ông L. Aurousseau (*Bull. E. F. E. O.*, quyền XIV, số 9, trang 23), thì Tây-quyền có thành tên là Khu-túc, (*K. đ.*, tiền biên q. 3, tờ 26 b, dẫn *Thủy-kinh chú*, viết là Khu-lật, chứ không viết là Khu-túc: chữ lật với chữ túc chỉ sai nhau có hai nét).

Thủy-kinh chú chép thành Khu-túc như sau này: « Sông Lư-dung chảy ra phía tây-nam huyện Lư-dung (thuộc quận Nhật-nam), tức là chỗ núi cao ở phía nam thành Khu-tác. . .) phía đông cùng với nước sông Thọ-linh chảy ra địa-giới huyện Thọ-linh. Năm Chính-thủy thứ chín (248 sau T.-C.) nhà Ngụy, Lâm-ấp xâm-lấn đến huyện Thọ-linh, lấy huyện ấy làm bờ cõi. Phía đông huyện đi tắt ra phía nam thành cũ Khu-túc. Xét Cổ-chí đều không thấy chỗ nào chép tên thành Khu-túc. Quyển *Địa lý phong-tục ký* của Ứng-Thiệu chép rằng: « Nhật-nam xưa là Tượng-quận đời Tần. Năm Nguyên-đỉnh thứ sáu (111 trước T.-C.) Hán Vũ-đế đặt quận Nhật-nam, quận-trị ở huyện Tây-quyền. *Lâm-ấp ký* chép rằng: Thành Khu túc cách Lâm-ấp hơn 400 dặm. *Giao-châu ngoại-vực ký* chép từ quận Nhật nam đi về phía nam đến nước Lâm-ấp hơn 400 dặm Vậy thì thành ấy là thành cũ của huyện Tây-quyền *Lâm ấp ký* chép rằng: Thành ấy ở giữa hai con sông, ba bề giáp núi, phía nam, phía bắc gần kề xuống nước, phía đông phía tây có khe nước chảy ở dưới thành. Phía tây thành. bẻ ra mười góc, chu-vi 6 lý 170 bộ, phía đông phía tây đo được 650 bộ. Thành gạch 2 trượng, trên xây tường gạch một trượng, mở lỗ hồng vuông, trên gạch lát ván, trên ván có 5 tầng gác, trên gác làm nhà, trên nhà có lầu, lầu nào cao thì 7, 8 trượng, lầu nào thấp thì 5, 6 trượng. Thành mở 13 cửa Phàm cung điện đều hướng nam. Nóc nhà đến hơn 2 100 gian. Người ở và họp chợ khắp cả xung quanh. Lởm-chởm gập-ghềnh, là một nơi đất hiểm; cho nên những binh-khí chiến-cụ của Lâm-ấp đều hết cả ở thành Khu-túc. Từ vua Lâm-ấp là Phạm-hồ-Đạt (Bhadravarman I) mới bắt đầu xây nhiều thành-lũy. Sau đời Tấn đời, dân đến đây, nhiễm thói rợ, phong-tục cũ của Nhật-nam biến đổi hết cả. . » (dịch ở *Thủy-kinh chú*, sách in của Trường Bác-cổ, số 2067, quyển 36, tờ 18 a-19 a; ông L. Aurousseau đã dịch ra chữ Pháp trong *Bull. E. F. E. O*, XIV, 9, trang 11).

Năm 1927-1928 trường Bác cổ có đào thấy vết tích thành Khu-túc ở làng Trà-kiệu thuộc tỉnh Quảng-nam bây giờ (J. Y. Claeys, *Fouilles de Trà-kiệu*, đăng trong *Bull. E. F. E. O.*, quyển XXVII-XXVIII): như thế thì quận-trị quận Nhật-nam chính là cạnh thành Huế, chứ không phải ở Quảng bình, như lời chép trong *Đại-Nam nhất thống chí*.

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay:

Sách thuốc Việt-Nam.	3$50
Tính các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc xứ nóng.	2 00
Khoa chữa phổi.	1 00
Khoa chữa mat.	1 00
Khoa chữa tre con.	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi: *M. Nguyễn-xuân-Dương Lạc long 22 Tientsin Hanoi.*

Khái-luận và Phê-bình Thi-ca cũ

Văn-chương Quân-sự

« **Hịch Tướng sĩ văn** », một bài thuyết-minh cho lý-trí, hay là những huyết-lệ ngấm-ngầm. — « **Bình-Ngô Đại-cáo** » một thiên anh-hùng-ca bằng ánh-sáng. — Văn tế, những anh-hùng-ca để khóc anh-hùng, không phải để tán anh-hùng. — Lối văn biền-ngẫu trong thơ Việt và những đối-ngẫu trong thơ Hugo. — Những dịp gõ vào tâm linh người đọc. — Những câu thơ rắn-chắc như thiết, thạch.

của HOÀNG-THIẾU-SƠN

Tôi muốn gọi bằng cái danh « *văn-chương quân sự* » những loại hịch-cáo và có lẽ một ít văn-tế nữa vì mấy bài văn-tế hay nhất còn lưu-truyền phần nhiều là những bài đã dùng để tế các chiến-sĩ tử-trận. *(1)*

Hịch văn của Âu Tây, có vẻ rắn-rỏi, mạnh-mẽ, nhưng nó chỉ có giá-trị nhất thời vì thế lối hùng-biện quân-sự chỉ có một địa vị rất thấp nhỏ trong văn chương Âu Tây. Trái lại một bài hịch của Hưng-Đạo vương, một bài *Bình-Ngô đại-cáo* thật là những cây đại-thụ trong rừng thi-ca Nam-Việt.

Hịch văn của Âu Tây vắn-tắt quá vắn tắt như những lệnh truyền không khích-thích đến tình-cảm. Trái lại một bài hịch của Trần-Hưng-Đạo thật là một áng văn đã thuyết minh cho ta một điều chân-lý, buộc ta phải tin theo chân-lý ấy với một luận-điệu chặt chẽ, lại cảm-kích chúng ta một cách thâm trầm và chắc-chắn.

Bài hịch này không « rỏng rả như tiếng kèn đồng rập rình như tiếng trống trận » không « *thu-thập nhân-tâm trong giây phút, kích thích huyết khí như điện truyền* (2), bài hịch này buộc ta phải suy nhiều, hơn bắt ta phải cảm. Hưng-Đạo vương đã chinh-phục lý-trí ba quân hơn kích-thích tình cảm của họ.

Cái đau lòng của Vương, Vương rất ít bộc-lộ, nhưng qua những hình ảnh đơn-giản, qua những luận-điệu bình như nhẹ-nhàng, qua cái hùng-biện không bồng-bột, không sôi nổi, ba quân đã cảm thấy Vương cố nén lòng đau thương không bờ-bến. Hịch này tác-giả viết nên với phong-thái điềm-đạm của một nhà nho ra cầm quân, để dành riêng cho những người điềm-đạm biết suy-nghĩ, âu lo đến điều quốc sĩ hơn là cho những kẻ chỉ biết đi theo sự sô đẩy của cảm tình. Vương đã biết hòa hợp tâm và trí một cách tuyệt-diệu. Nhưng bao giờ Vương cũng đặt trí trên tâm như một người Việt-Nam biết tự trọng.

***

Nếu bài hịch của Hưng-Đạo vương đầy huyết-lệ ngấm ngầm thì bài cáo Bình-Ngô của Nguyễn-Trãi đầy vẻ nhẹ nhàng, vui-sướng. Nếu Hưng-Đạo vương là người đã dùng trí để suy đến những điều danh dự ở buổi tương lai thì Nguyễn-Trãi là kẻ đã dùng tâm để hưởng lấy những phút vinh-quang của thời đi vãng. Tuy nhiên đôi bên đều một mối căm hờn, một mối đau đớn, khi nghĩ đến quân thù.

Bài hịch tướng sĩ vì thế trang-trọng, vững-trãi, cổ-kính, bất-diệt; trái lại bài cáo Bình-Ngô khi lên bổng, khi xuống trầm, hùng-biện một lối lãng-mạn lại được màu bi-tráng của một thiên anh-hùng-ca. Thật thế đó là tất cả thiên anh-hùng-ca của vua Lê thái-Tổ :

Mùa đầu gặt, ngọn cờ phất phới,
Ngóng văn nghe bốn cõi đàn hồ.

Mở tiệc quân, chén rượu ngọt ngào,
Khắp tướng sĩ, một lòng phụ tử.

. . . . . .

Trận Bồ đằng sấm vang sét dậy
Miền Trà lân trúc phá tro bay.

. . . . . .

Dưới Ninh - Kiều máu chảy thành-sông
Bến Tụy-động xác đầy ngoài nội.

. . . . . .

Sĩ tốt ra oai tì-hổ
Thần thứ đủ mặt trảo nha.
Gươm mài đá, đá núi cũng mòn
Voi uống nước, nước sông cũng cạn.
Đánh một trận sạch không kình ngạc
Đánh hai trận tan tác chim muông
Cơn giông tố trút sạch lá khô
Tổ kiến hổng sụt toang đê cũ,
Thôi Tự phải quỳ mà xin lỗi
Hoàng Phúc tự trói để ra hàng.
Lạng Giang, Lạng Sơn thây chất đầy đường
Xương giáng, Bình than, máu trôi đỏ nước.
Gớm ghê thay ! sắc phong vân cũng đổi
Thảm đạm thay ! sáng nhật nguyệt phải mờ.

. . . . . .

Suối máu Lãnh Câu nước sông rền rĩ
Thành xương Đan xá, cỏ nội đầm đìa.

Hơi văn phi thường hùng tráng, nhưng qua lời thơ mạnh mẽ ta vẫn thấy thi-nhân trấn-tĩnh tự chủ tâm mình một cách vững-vàng. Cho nên không hề thấy những tiếng than, trợ lực và giả dối như trong các anh hùng ca lãng mạn. Trong cái vui hưởng được sau bao điều đau khổ, vẫn phảng-phất một tí buồn điểm đạm và cảm động của kẻ không bạc bẽo với dĩ vãng để tận-hưởng lấy hiện tại.

Giang sơn từ đây mở mặt
Xã-tắc từ đây vững nền
Nhật nguyệt hồi mà lại minh
Càn khôn bĩ mà lại thái.
Nền vạn thế xây nên chắn chắn,
Thẹn nghìn thu rửa sạch lau lau.

Trên « *suối máu* » « *thành xương* » ảm đạm, mặt trời đã mọc rực rỡ và loát lên bản khải ca bằng ánh sáng.

Vẫy vùng một mảnh nhung-y nên công đại định
Phẳng lặng bốn bề thái vũ mở hội vĩnh thanh

Khác nào một vị anh hùng chiến thắng sau bao điều đau đớn khi ôn lại vũ công oanh liệt của mình, giữa tiệc khao quân, múa kiếm ngâm lên bài thơ cảm khái.

***

Trên kia tôi đã hứa sẽ liệt một ít văn tế vào loại văn-chương quân sự. Các văn-tế của chúng ta còn lưu-truyền đều là những thiên hùng tráng ca để khóc những kẻ vì nước bỏ mình. Với lời văn hùng kiện mà bi-thiết, với ý tưởng tôn thân cao-thượng, văn tế có lẽ là những thiên hùng tráng ca lâm-ly hơn hết của nền văn học nầy. Khác với người Âu, hùng tráng ca của chúng ta dùng để *khóc anh hùng* không phải để *lán anh-hùng*.

Ngoài mười năm sự nghiệp bể dâu nào, doành lòng đà bỗng chốc sao sa, thụ linh-phách vội cướp công tráng sĩ. (3)

. . . . . .

Gươm linh bảo mười năm sẵn có, đằng anh-hùng mấy gió mãi chưa thôi ;
Đàm nhung trăng một phút như không, ngán Tạo hóa ghét ghen chi lắm thế ? (3)

Hai bài văn hay nhất là văn tế *Trận Vong Tướng Sĩ* của Nguyễn văn Thành và *văn tế Vũ Tĩnh, Ngô tòng Chu* của Đặng đức Siêu.

Nếu — bài sau có vẻ trang-trọng âm thầm, thì bài trước thật là mạnh mẽ tha thiết. Bài sau, là cái đau xót không bộc-phát, không nức nở của một vị đế-vương khóc hai kẻ « *thần-huân* » đã « *thung dung tựu-nghĩa* » không tuống, không kèn. Bài trước là lời than bi-tráng của viên chủ tướng tế những quân « *phụ tử* », đã hăng hái liều mình nơi « *đạn lạc tên bay* » xem thấm nhẹ tựa « *nghĩa lông hồng* » mà khóc kẻ « *anh hùng chẳng quản, trăm trận một trường oanh liệt cái sinh không, cái tử cũng là không* ».

Nhưng ở cả hai bài cũng như ở tất cả các bài văn tế Việt Nam đều một chí ái-quốc trung-quân là cái ý chính, cái đầu đề, cái nguồn cảm-hứng đã chi-phối cả rừng thơ Nam Việt.

---

1) *Những loại nầy cũng phải theo những luật bó buộc, lại có vần, có điệu, đáng liệt vào hàng thi ca hơn hẳng văn văn.*

(2) *Phạm Quỳnh bàn về diễn thuyết — Nam Phong số 46.*

(3) *Phan huy Ích « Văn Tế Tướng Sĩ tháng bảy » trích Văn Đàn Bảo giám của Thân Trọng Viên quyển 1 trang 263.*

Ngoài ra, những văn tế đều đượm một vẻ thần-bí riêng làm cho cái buồn đã bao-la lại thêm man-mác. Đó là vẻ thần-bí của đạo Phật với « *ngọn cỏi rúc nguyệt* » với « *nhịp trống dồn hoa* » với cơ « *huyền diệu thăng trầm* » với « *tiếng hiệu lệnh mơ màng trước gió* » với « *bóng tinh-trung thấp thoáng dưới đèn* ». Qua bài văn tế Vũ Tinh ta há không mơ màng đến cái không-khí lạ-lùng khi bóng ma Quan-Vân-Trường thấp thoáng gọi cửa nhà Phật đòi lại thủ cấp ? Qua bài văn tế Trận vong tướng sĩ, ta há không tưởng tượng đến những vong-hồn bay thấp thoáng với ngọn lửa chơi lập lèo « *soi chừng cỗ độ* ». Trong ngọn gió lốc mịt mù « *thổi dầu tha hương* » ?

***

Các áng văn tôi vừa kể trên trừ các loại thơ lại dùng nhiều lối văn biền-ngẫu là lối văn mà nhà thơ mới Lưu Trọng Lư đã lên án rằng : « *đối đáp chẳng qua con chó đi ra, con mèo đi vô* ». (4)

Lối biền-ngẫu của thi ca Việt có tính cách và công dụng như những đối ngẫu (antithèses) của Victor Hugo trong thơ hùng-tráng. Nó làm cho hơi văn mạnh mẽ và nhất là lời văn bỉ đát phi-thường với những hình-ảnh tương phản một cách bất ngờ.

Cho hay sinh là kỳ, mà *tử là qui*
Mới biết mệnh ấy yểu, mà *danh ấy thọ* (5)

. . . . . .

Sửa mũ áo lạy về Bắc khuyết,
ngọn quang minh hun mát *tấm trung can* ;
Chỉ non sông giả với cỏ thành,
chén tân-khổ nhấp ngon *mùi chính khí* (6)

. . . . . .

Kẻ thời chen chân ngựa, muốn giật cờ trong trận, xót lẽ gan vàng *mà* mệnh bạc, *nằm lông hồng theo đạn lạc tên bay* ;
Kẻ thời bắt mũi thuyền, toan cướp giáo giữa giòng, thương thay phép trọng *đề* thân khinh, *phong da ngựa mặc bèo trôi sóng vỗ* (5)

Những vế đối đáp trong văn biền-ngẫu chọi nhau san-sát, âm-hưởng dội thấu tâm linh người đọc. Khác nào những nhịp gõ vào hồn chúng ta, vào tim chúng ta. Khác nào nhịp trúc não-nùng của Cao-tiệm-Ly trên sông Dịch Thủy :

Ôi ! Cùng lòng trung-nghĩa, khác số đoản tu,
Nửa cuộc công-danh, chia vòng kim-cổ. (5)

. . . . . .

Đã biết rằng anh hùng thì chẳng quản, trăm trận một trường oanh-liệt, cái sinh không cái tử cũng là không.
Nhưng tiếc cho tạo hóa khéo vô tình, ngàn năm một hội tao-phùng, phận thủy có, phận chung sao chẳng có. (5)

Trong mỹ-từ-học, lối biền-ngẫu lại là một phương-pháp để làm cho lời thơ hùng-biện. Những vế trên, vế dưới là những luận-điệu mà phép đối buộc thi-nhân phải dồn-dập lại để làm cho hai câu thơ hàm súc, rắn chắt như thiết-thạch. Nhờ lối biền ngẫu, loại thơ hùng-biện của ta nhiều bài lý-luận chặt-chẽ rõ ràng như hai lần hai là bốn, không ai có thể cãi vào đâu được. *Hịch Tướng-Sĩ Văn* của Hưng-Đạo vương — như trên kia, tôi đã nói — là một bài lý-luận rạch ròi.

Những bịch nôm, nhiều bài viện dẫn những lý-lẽ dẫn-dị, tầm-thường một cách không ngờ mà buộc ta phải tin theo, không tài nào cưỡng nổi :

Nhờ lộc nước phải lo việc nước, rắp phen Trương-tử trả ơn Hàn,
Ăn cơm vua đành báo nghĩa vua, nỡ để tào man dòm vạc Hán (7)

Đấng văn tôn, văn tử, thủ cha ông chi đề đội trời ; người vương-thổ, vương-dân, lòng trung-nghĩa phải toan giúp nước,
Cấy lúa há dung mà khác ; ăn trái nhớ kẻ trồng cây (8)

Những phú, văn tế, hịch, cáo nhờ lối văn biền-ngẫu, hơi văn lắm nơi thật dài, thật cao, hai vế chạy song song, trang-trọng, rắn-chắc, có vẻ bất-diệt, tráng-lệ như câu thơ mười hai tiếng ngắt hơi sau tiếng thứ sáu của trường thi cổ — kịnh Pháp (9) như những đền-đài Hy lạp, những Parthénon chỉ xây theo lối kiến trúc ngang bằng, sồ ngay vỉ-đại.

HOÀNG-THIẾU-SƠN

(4) *do Hoài Thanh và Hoài Chân trích trong* Thi-nhân Việt Nam.

(5) *Nguyễn văn Thành* « Văn Tế Trận Vong Tướng Sĩ ».

(6) *Đặng-đức-Siêu* « Văn Tế Vũ-Tinh và Ngô-Tòng-Châu ».

(7) *Hịch Nguyễn-hữu-Chỉnh dấy binh phá Trịnh, tôn Lê* (Văn Đàn Bảo giám *quyển 1 trang 265.*)

(8) *Hịch Lê-duy-Mật khởi nghĩa diệt Trịnh, phù Lê* (Văn Đàn Bảo giám *quyển 1 trang 265*).

(9) *alexandrin classique.*

Bản sách dẫn về Đại-Nam Liệt truyện

Số 16

Thọ-Xuân LÊ-VĂN-PHÚC

TÊN HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỌ
LIỆU 料 *Nguyễn-thị*		Vĩnh long	N	44	2b	
LIỆU » *Nguyễn-văn*		Vĩnh long, Vĩnh bình	S	15	3b	nay là vùng Long hồ, Chợ lách
LIỄU 柳 *Nguyễn-văn*		Bình thuận, An phước	S	29	3a	
LINH 苓 *Lê văn*		Gia định, Bình dương	S	15	9b	
LINH 靈 *Phống thiên sư*	tên Là Bảng	Bình định, Phù cát	N	43	6a	
LOAN 鑾 *Nguyễn-văn*		Gia định, Bình dương	S	17	4a	
LOAN 鸞 *Trương-phúc*		Thanh hóa, Quảng huyện	T	6	34a	
LONG 龍 *Đinh văn*		Không biết	S	16	5b	từ trận tại Ba rài (Mỹ tho)
LONG » *Nguyễn*		Không biết	S	17	4b	từ trận tại Ba thắc (Sóc trăng)
LONG » *Nguyễn-phước*	viết tắt là Ng. Long	Bình định, Đồng xuân	S	14	3b	nay thuộc Phú yên
LONG » *Nguyễn-thắng*		Thừa thiên	T	4	24b	con Nguyễn-dương Lâm
LONG » *Trần-đăng*		Quảng nam, Đức phước	S	17	7a	
LỘ 路 *Lê chánh*		Quảng bình, Phong đăng	S	19	14a	
LỘC 祿 *Đoàn-văn*		An giang, Đông xuyên	N	14	11b	nay là vùng Cái vừng (Châu đốc)
LỘC » *Hà-văn*	người đình Triệu	Vĩnh long, Tân minh	S	15	10a	nay là cù lao Minh (Bến tre)
LỘC » *Hùng* (không biết họ)		Không biết	T	4	22b	trấn Phú yên
LỘC » *Nguyễn*		Gia định Bình dương	N	40	6a	nay là vùng Sài-gòn
LỘC » *Nguyễn-linh*		Thừa thiên, Hương trà	N	40	10a	
LỘC » *Nguyễn-văn*		Thừa thiên, Phú vang	S	9	10a	
LỢI 利 *Huỳnh-phước*		Thừa thiên, Phong điền	N	40	11a	cũng đặc cách »
LỢI » *Huỳnh-tấn*		Quảng bình, Phong lộc	S	15	20a	
LỢI » *Lê-văn*		Không biết	S	17	4b	từ trận tại Ba rài (Mỹ tho)
LỢI » *Nguyễn-văn*		Định tường, Kiến hòa	S	33	25	nay là Chợ gạo (Mỹ tho)
LỢI » *Nguyễn văn*	tự Tương nghĩa	Quảng nam, Lễ dương	N	36	98b	
LUẬT 律 *Trần-đại*		Vĩnh long	S	16	6b	
LUẬT » *Trương-phước*		Gia định	S	13	17	
LÙNG 龍 *Huỳnh*		Bình định	T	6	47	
LỮ 呂 *Võ*	tự Trọng đình	Quảng nam Lễ dương	N	20	4a	
LƯƠNG 良 *Đào-văn*		Bình định, Phù cát	S	15	12a	
LƯƠNG » *Nguyễn-văn*		Bắc ninh, Lạng giang	S	29	7a	
LƯƠNG 俍 *Tôn thất*		Huế	N	41	8b	
LƯƠNG THÀNH *Tôn thất*	tự Duy-ninh	Huế	N	41	20b	
LƯƠNG 良 *Võ văn*		Quảng nghĩa, Chương nghĩa	S	16	24b	
LƯỢNG 諒 *Đặng-văn*		Định tường, Kiến hòa	S	5	6a	nay là Chợ gạo (Mỹ tho)
LƯỢNG 亮 *Lưu*	tự Di-hầu	Quảng bình, Bố trạch	N	32	49b	
LƯỢNG 量 *Nghiêm xuân*	tự Bá-hộc	Hà nội, Từ liêm	N	37	12b	
LƯỢNG 諒 *Nguyễn-tấn*		Gia định, Bình dương	S	15	24a	nay là vùng Saigòn
LƯỢNG 亮 *Nguyễn*		Bắc ninh, Gia lâm	S	18	12a	
LƯỢNG » *Phạm-hi*	tự Hiến-thúc	Hà nội, Thọ xương	N	38	25b	
LƯỢNG 諒 *Võ-nguyên*		Nghệ an, Đông thành	S	13	8b	
LƯỢNG » *Võ văn*		Gia định, Tân hòa	S	16	1b	nay là Gò công
LƯU 畱 *Đoàn-thị*		Hưng yên	N	44	7b	
LƯU 劉 *Phạm-văn*		Gia định, Tân bình	N	40	35b	nay là vùng Sài gòn
LỰU 榴 *Võ thị*		Hải dương, Gia lộc	N	44	3a	[illegible]

(1) T : Tiền-biên, S : Sơ-tập, N : Nhị-tập.

TIỂU-THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 17

CHU-THIÊN

Trước kia, khi công-tử mới đến, thỉnh-thoảng nàng mới đến thăm. Nay được lệnh cha, ngày nào nàng cũng sang lầu Nghinh-phong; có khi không bận việc gì, nàng ở lên đấy xuốt cả ngày. Người đàn bà, nhất là người đàn bà đẹp, là một bà tiên đủ phép mầu-nhiệm để hàn rịt những vết thương lòng. Con người ta không thể mang ưu sầu mãi mãi! Cái ưu sầu cứ ở trong mình mãi mãi không buông tha, tức là đưa mình về nơi chết. Cho nên cái nỗi buồn rầu đau-đớn cũng có thời hạn thôi. Thời gian đã dần dần xóa bớt được ưu tư ở trong lòng, lại được mỹ-nhân luôn luôn bên cạnh, bàn bạc mọi việc rất tinh-tường, thì con người tất nhiên phải dần dần bớt bỏ được sầu mà làm bạn với sự vui. Nhất là như đối với công-tử Đoàn Văn lúc này, Kim Vân công chúa lại là người quen cũ, và một kỳ nữ, tài mạo kiêm toàn, tính tình ngay thẳng rất thông hiểu mọi việc ở đời, thì bảo chàng không đổi sầu làm vui sao được.

Chàng vui dần và cũng dần thân-mật với Kim-Vân. Làn không-khí vui vẻ tràn đến đầy đẫy cả lầu Nghinh-phong. Công-tử Thịnh-Nguyên và Kim-Vân công chúa đều vui mừng thấy công-tử Đoàn Văn vui vẻ hoạt bát và khỏe mạnh vượt hẳn lên. Công-tử Thịnh-Nguyên thân mật khen Kim-Vân công chúa:

— Cô thật là một bà tiên cứu nhân độ thế. Bà tiên xuống lầu có mấy hôm mà Đoàn công-tử vui hẳn lên.

Kim-Vân công chúa cũng hãy làm thích chí, nhưng cố ra vẻ đứng đắn đáp lại:

— Dạ, đấy là lâu ngày dần-dần công-tử tạm khuây đi chứ. Em đây phải chịu ơn hai công-tử chỉ bảo nhiều điều lợi ích, có đâu dám nhận ơn.

Rồi mấy ngày qua, Kim-Vân công-chúa không hay sang lầu nữa. Trong lầu lại mất vẻ vui tươi bồng bột của những ngày qua. Công-tử Đoàn-Văn lại lỳ lỳ ít nói, khiến công-tử Thịnh-Nguyên cũng phải lây mà hãm bớt mồm miệng lại. Rồi mỗi lần nàng sang lầu là y như nàng có phép thuật gì mang gieo rắc cả sự tươi cười hoạt bát đến, để cho lúc nàng về, hai chàng lại lẳng-lặng ngồi lỳ mà mong đợi, tuy mỗi chàng mong đợi trong mỗi ý tưởng khác nhau.

Rồi bẵng đi một, hai, ba hôm, Kim-Vân công-chúa không sang chơi bên lầu nữa. Công-tử Đoàn-Văn trước còn lỳ lỳ, sau lại trở nên buồn rười rượi, nhưng không phải cái buồn đau xót hôm xưa nữa. Đây là cái buồn bâng-khuâng mong nhớ, cái buồn của một chàng trai trẻ cảm thấy trống tâm hồn mình thiếu thốn một thứ gì, mà chính tự mình cũng không dám thú nhận với mình. Công-tử Thịnh-Nguyên cố lẽ cũng biết vậy, nên cố tìm lời khuyên giải và nói khích chàng, nhưng chờ ngày một ngày hai, vẫn không thấy Kim-Vân công-chúa sang chơi. Biết khó lòng mà làm chuyển được lòng chàng, công-tử Thịnh-Nguyên liền rủ chàng đi chơi miền rừng núi, mong may ra cảnh thiên-nhiên gợi cho chàng thêm vui. Đoàn công-tử đang lúc nghĩ vơ-vẩn, buồn thiu-thiu, liền vui theo Thịnh-Nguyên đi chơi.

(*còn nữa*)

CHU-THIÊN

Đã có bán về dịp Tết:

NỬA ĐÊM

Truyện thôn-quê của Nam-Cao giá 2$00

Nam Cao là một nhà văn chuyên tả phong-tục thôn quê Việt Nam, với một ngòi bút đanh thép. Nếu các bạn muốn hiểu người dân quê Việt Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn-quê Việt-Nam; nói tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đồng bào một cách chu-đáo, các bạn đều nên có cuốn Nửa đêm của Nam-Cao.

VUI XUÂN

Tức Hoa Mai số Tết của Ngô-Hòa giá 0$30

Phách bướm hồn hoa

Tức Hoa Mai số Mùa Xuân của Thế-Hưng giá 0$30

Nhà xuất-bản Cộng-Lực N° 9 Rue Takou — Hanoi

BIA VĂN MIẾU...

(*Tiếp theo trang 4*)

đôi, huyện Võ giàng (bia kì bắc là Võ giàng, *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 44 b, viết là Vũ-ninh), phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Năm 21 tuổi, thi hương đỗ giải nguyên (thủ-khoa), thi hội đỗ hội nguyên, đến thi đình đỗ bảng-nhãn. Cùng anh họ là Nguyễn-đạo-Dẫn, Nguyễn cùng Thuận, và em ruột là Nguyễn Kính cùng đỗ khoa bính-thìn 1496, thực là xưa nay ít có. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư, tặng làm Thái-bảo. Là con Nguyễn nhân-Thiếp, đỗ tam-giáp năm 1466, cháu Nguyễn-xung-Xác, đỗ tam-giáp năm 1469, Nguyễn-nhân Dư, đỗ tam-giáp 1472, Nguyễn-nhân Dịch đỗ tam-giáp năm 1475, Nguyễn-nhân-Bị, đỗ tam-giáp năm 1466 và 1482. Cha con, bác cháu, anh em cùng làm quan một triều. Là anh họ Nguyễn-hoằng-Khoản, đỗ tam-giáp năm 1490, em họ Nguyễn-dũng-Nghĩa đỗ nhị-giáp năm 1493. Là bác Nguyễn-đức-Lượng, đỗ tam-giáp năm 1556 *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 5 a-b).

3. — Đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ đệ tam danh (thám hoa) **Đinh-Lưu** người xã An-đạt, huyện Thanh-lâm, tỉnh Hải-dương. Đỗ năm 18 tuổi. Làm quan đến Đông-các đại-học-sĩ. Ông sở-trường võ-nghệ, được vua rất thân-yêu. Hay đá cầu: vua thường sai ông ra đầu thuyền ngự để đá cầu; ông xin mỗi lần đá là một tuổi để chúc thánh-thọ, thường đá được vài trăm cái mà không rơi xuống: vua rất đẹp lòng, thưởng cho 300 mẫu ruộng ở châu Vũ-nhai (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương tờ 61 a). (*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giới thiệu

Tri Tân vừa nhận được

1.) Là Dương *thiên thuyết*) của Ng công Hoan Đời mới xuất bản *Giá 2 $ 50*

2.) Trung Quốc sử lược của Phan Khoang — *Mai Lĩnh xuất bản giá 6 $ 00*

3.) Lược khảo thơ Trung quốc của *Doãn kế Thiện — Mai Lĩnh xuất bản giá 1 $ 50*

Xin cảm ơn nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn đọc

T. T.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Sách của

Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẤU

I — Đã xuất-bản :

A) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học-Đường Đông Pháp :

1) *Trịnh-gia Chinh Phả (in lần thứ hai)* hết
2) *Hưng yên địa chí* — —
3) *Gương Luân-Lý* —
4) *Bắc-giang địa-chí dầy 284 trang, có bản đồ phụ đính* *Giá cũ 1$50*

B) 5) *Vị tiền* *hết*
6) *Hoa xưa ong cũ* *Giá cũ 0$30*
7) *Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể* (du ký) *2$00*

« Hồ này từ đời Lê, đời Mạc tới nay, có bao « nhiêu anh-hùng lưu dấu vết, có bao nhiêu danh-« sĩ đăng-lâm, mà có du-ký như ông nay mới thấy « là một! Ông chẳng những chép phong cảnh và « lịch-sử Ba Bể, mà lại kể cả cuộc-hành-trình-« đi đến đàn cũng để mắt quan-sát: nào là nhân, « tình phong tục, nào là công cuộc mở mang của « đời xưa và hiện thời, thực có ích cho nhà khảo-« cứu, có thể làm kim chỉ nam dẫn lối cho nhà « du lịch sau này. »

« Du ký này có giá-trị lắm thay! »

Trích bài tựa của cụ Phó-bảng Nông-sơn Nguyễn-cao Mộng

II — Sắp xuất-bản :

Uyên-mai Tử-Bình; — Ngàn Treo Đanh Thuyền Đình Sơn; — Bac-ninh địa-chí.

Xin viết thở cho :

Nhật-nham Trịnh-như-Tấu, Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ hay Biên-tập-viên Tạp-chí Tri-Tân
95-97 Rue Chanceaulme hanoi

MỘT BỘ SÁCH :

Cổ nhất Đông-Phương!
lạ nhất nhân - loại!

Nguồn gốc chỉ là một cái gạch ngang, tới qua tay 4 vị Thánh nhân, cái gạch ngang ấy diễn thành một pho sách cực kỳ hùng vĩ. Đó là bộ:

KINH DỊCH

mà người Việt-nam ta có lẽ không mấy người là không nghe thay tên, nhưng chắc ít người biết rõ nội dung ra sao.

KINH DỊCH

là một bộ sách đã xuất-hiện trên một vạn năm, mà mấy trăm học-giả phương Đông theo gót nhau nghiên-cứu và chú-giải đến hai nghìn năm nay vẫn chưa hết nghĩa.

KINH DỊCH

thật là một pho sách uyên-thâm, huyền-diệu, bao quát tất cả các lẽ trong vũ-trụ.

Các bài thơ và kinh có in nguyên văn chữ Hán

Toàn bộ giày trên dưới 2000 trang in luôn một lúc đóng làm 5 quyển

Sách đã bắt đầu in nhưng không bán lẻ từng cuốn

Sách in làm 3 hạng :

Hạng giấy thường	vẽ bản tư	20$00
Hạng lụa Do	(đựng hộp học lụa)	50.00
Hạng Bạch Minh châu	(đựng hộp gấm)	250.00

(thêm cước gửi ngoài

Thư và ngân phiếu xin gửi về

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

MỚI XUẤT BẢN

LE CAPITAINE ĐỖ HỮU VI
par S. E. PHẠM QUỲNH
Ministre de l'Intérieur,

Một cuốn sách hay của thư-xã Alexandre de Rhodes, dày 50 trang, khổ 12×18, có ba bức ảnh và bản dịch của Nguyễn Tiến Lãng. Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu.

Một áng văn kiệt-tác của cụ Thượng Phạm, mà trong thời buổi này, thanh niên Nam Việt ai ai cũng nên ngâm đọc và suy-nghĩ.

Bản thường	0$50
Bản giấy tốt	3 00
Cước	0 32

Tổng phát hành
MAI LINH
21, Rue des Pipes — Hanoi

Một quyển sách làm chấn động dư luận:

LỊCH-SỬ ĐẠO THIÊN CHÚA Ở VIỆT-NAM

Xuất-bản dưới quyền Duyệt-Chính của cha L. Cadière và cụ Ứng-Hoè
Tựa của Đức Khâm-Mạng Tòa-Thánh ở Đông Dương

Bản viết của Hồng-Lam — Chú giải của Cha L. Cadière

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP CÁC HIỆU SÁCH LỚN
và ở
ĐẠI-VIỆT THIỆN-BẢN
50bis Avenue Khải Định Huế

Mua sách xin gửi 8$00 tiền sách và 1$20 tiền gửi và tiền gói

Bắt đầu từ Février 1944

NHÀ SÁCH LỚN
MINH ĐỨC
Thái Bình — Bắc Kỳ

Nhận đứng làm tổng phát hành các sách có tính cách khảo cứu, phê bình, giáo dục, nghiên cứu, nghị luận, tư tưởng, lịch sử, phong tục, sách dịch thi ca, sáng tác v. v...

TRONG LÚC NÀY

Để các sách, truyện cho nhà sách Minh Đức phát hành, số sách sẽ chạy tổng hơn mọc thường, với một công việc tổ chức lối bán cho các đại lý và độc giả có phương pháp mầu nhiệm

Các nhà xuất bản, các nhà văn muốn các sách để cho nhà Minh Đức phát-hành xin viết thơ về hỏi điều lệ.

Đã phát hành cuốn

PHONG LƯU ĐỒNG RUỘNG

Anh Hoa xuất bản và phát hành riêng ở Hanoi
Minh Đức Thái Bình phát hành ở các mọi nơi

Pho sách sưu tầm rất công phu về các thú chơi thanh nhã ở các miền quê rất nên thơ ở làng mọc Việt Nam. Từ điệu hát quan họ, thi làm cỗ, thổi cơm thi, đến các lối chơi như đùn đu, nem pháo, chọi trâu, thả chim v. v... đều được diễn tả rất thần tình dưới chữ ký của Toàn Ánh. Sách dầy in mỹ thuật 2$50 một cuốn. ở xa mua một cuốn xin gửi thêm 0$30 cước phí. Mandat đề: Minh Đức, Thái Bình.

Sắp

KINH TẾ HỌC PHỔ THÔNG
của NGUYỄN HẢI ÂU

Nghiên cứu cái then máy của cuộc sinh hoạt kinh tế hiện tại Chỉ vạch những định luật chi phối sự xuất sản, sự lưu thông, sự phân phối và sự tiêu thụ hàng hóa

SỐNG Ở XÃ HỘI HIỆN THỜI PHẢI HIỂU RÕ GUỒNG MÁY KINH TẾ

Muốn hiểu rõ guồng máy kinh tế ở xã hội hiện thời, không thể bỏ qua được quyển
KINH TẾ HỌC PHỔ THÔNG giá 3$60

Đã có bán

LÝ THƯỜNG KIỆT bắc phạt
của NGUYỄN TÊ MỸ — giá 2$00
HÀN THUYÊN
71 Tiền Tsin — Hanoi

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur gérant: Nguyễn-Tường-Phượng — Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi